

TỤC CAO TẶNG TRUYỆN

QUYỂN 23 A

CHƯƠNG IV: MINH LUẬT.

(TRONG PHẦN 2 CỦA CHƯƠNG IV

(chánh truyện có chín vị, phụ có bảy vị).

1/ Truyện ngài Thích Trí Thủ trụ chùa Hoằng Phước ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

2/ Truyện ngài Thích Tuệ Tấn trụ chùa Phổ Quang ở Kinh đô, thời Tiền Đường (Mãn Đức, Chân Ý, Thiện Trí, Kính Đạo).

3/ Truyện ngài Thích Pháp Lệ trụ chùa Nhật Quang ở Tương Châu, thời Tiền Đường

4/ Truyện ngài Thích Huyền Uyển trụ chùa Phổ Quang ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

5/ Truyện ngài Thích Tuệ Tiêu trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu, thời Tiền Đường.

6/ Truyện ngài Thích Tuệ Mãn trụ chùa Phổ Quang ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

7/ Truyện ngài Thích Tuệ Tấn ở Ky Sơn, thời Tiền Đường.

8/ Truyện ngài Thích Đạo Lượng trụ chùa Nghĩa Hưng ở Tinh Châu, thời Tiền Đường (Đạo Trụ).

9/ Truyện ngài Thích Tuệ Mân trụ chùa Thông Huyền ở Tô Châu, thời Tiền Đường.

1- Truyện ngài Thích Trí Thủ trụ chùa Hoằng Phước ở Kinh đô:

Thích Trí Thủ, họ Hoàng Phủ. Sư vốn là con cháu của An Định Huyền Yến Tiên Sinh. Gia đình nhiều đời theo Khâu Viên, vốn ở ngoài vật, theo nghiệp làm Quan mà dời chỗ ở đến Chương Tân. Sư từ thuở nhỏ đã có tâm trong trắng, sớm nêu chí hùng kiệt. Mới độ tuổi búi tóc mà già từ thế tục, tiếng tăm vang cùng cả xóm làng.

Đầu tiên, Sư đến chỗ Sa-môn Trí Mân chùa Vân Môn ở Tương Châu xuất gia. Ngài Trí Mân cũng là Bạc Long Tượng ở thiên phủ, tâm học chí thành, là đệ tử thần túc của Sa-môn Tăng Điều. Vì Sư đang tuổi bé thơ tập học, nên ngài Trí Mân bày cho cấm khoa, chỉ dạy năm môn để bít ngăn ba nghiệp. Nhưng thần tuệ, được chỉ bày, hàng Hạ lưu chẳng mền mọt. Sư xem kinh Di Giáo, biết giới là gốc, làm thầy, các pháp lành từ Định tuệ đó mà sinh ra, nghĩa lý phù hợp nhau, dám trái lời bảo trước, do đó mỗi lúc gặp được những vị chuyên luật, Sư lắng ngẫm tiếng dò hỏi, tùy chỗ nghe hoằng Phạm, y như lời dạy mà tu hành. Từ đó năm chúng phân ra, không ai chẳng đến mà thưa hỏi, yết kiến.

Không bao lâu mẹ của Sư từ giã thế tục, lại vào cửa Đạo, pháp danh là Pháp Thí, ở tại chùa Quan, sâu tu pháp Bát kính, tuân trọng năm thức nghi. Chí muốn tham dự, có chế môn thệ nguyện kính phụng mà vâng thừa phép tắc. Nhưng Ni chúng ở Đạo, nhiệm cật tình sâu, giới luật thì ném bỏ, đưa đến nhiều khinh hủy, mà Pháp Thí Cát ái theo Đạo, trải qua chánh chân nương gá tâm, oai phục Ni lưu, tiếng tăm vang đến đất Ngụy. Từ khi Huyền hóa lưu truyền về phương Đông, thì chưa có vết tích ấy. Vì có Sư dưới gối cùng gần gũi, vốn Chung Hoa Vọng. Pháp Thí muốn sớm phục Đạo, thắm được nước bọt giới tông, bèn thưa với ngài Trí Mân trao cho giới cụ túc. Nhưng chưa được chấp thuận, Pháp Thí bèn bên trong tư duy Chánh Kiểm, bên ngoài thưa hỏi Sài Chương, cung kính nương tựa vâng theo tu tập, hài hòa luân ngũ. Ngài Trí Mân xét nghi quỹ ấy, im lặng mà nhận biết. Biết pháp thí phong cốt bên sâu mới cho phép thọ giới. Sư vì duyên thành đối với pháp, việc gá nơi Minh hiền, sợ tan rơi hạnh môn nên có trầm Đạo khí, bèn thưa hỏi khắp cùng các bậc Thanh đức thắng nhân ở Trịnh Châu, Vệ Châu, chẳng luận là bao lâu cứ đều mời đến, trải qua thời gian ba năm Sư mới toại được nguyện vọng.

Đến năm hai mươi hai tuổi, Sư mới bảm thọ đại giới. Tuy theo thầy truyền trao mà được hay không chẳng biết, Sư bèn đến trước tháp Cổ Phật thỉnh cầu hiển chứng, được Phật giáng hiện đưa tay xoa đỉnh đầu, thân tâm an thái mới biết cảm giới có thật. Từ đó, đêm ngày Sư thưa hỏi, tội vượt thường nêu. Tuy giảng dạy điều chưa từng nghe mà hạnh nghi Sư trước đã hoàn bị. Đến lúc Sư tìm Luật bộ có lấm điểm hợp với văn ấy. Sáng tỏ như biết trước càng thêm đào luyện Thân phủ. Nếu có sự nghĩa trái ngược vướng mắc thì Sư đều lọc khơi tương dung, thắm vượt khế hợp. Sau, Sư đến Pháp tịch của Luật sư Đạo Hồng nghe giảng luật. Đồng Bạn có bảy trăm vị đều là bậc lanh lợi đỉnh ngộ đông như rừng.

Còn như tìm văn so sánh nghĩa, thì lời nói Sư nổi bật. Và cả như những vị Huyền Tư, Lệ Dũng, thông suốt các tông, cứng rắn nghiêm minh thoảng vut để lại dấu mỗi không ai chẳng chuộng ở Sư. Nên chưa đến tuổi ba mươi mà Sư đã từng khai mở Luật phủ. Các vị Đức lành hạnh giỏi đều quý trọng Sư. Pháp sư Linh Dự, là người bày Đạo hùng bá, khuôn phép vượt thường, v.v... gần gũi cai quản đồ chúng cùng dự dưới Pháp diên. Bấy giờ cũng ngợi khen Sư, càng tăng thêm vinh quán.

Gặp lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy xây dựng chùa, xa thỉnh những bậc chuyên về Thiên tông, cùng muốn rộng bày Luật giải, lưu bố ánh sáng nơi đất Vua. Nếu chẳng nương Định mà thông giới thì thì hạnh học không chỗ kết quy. Sư bèn theo thầy vào Quan nội, trụ chùa Thiên Định. Tuệ giải đã thâm thông, tiếng sáng khắp ba phụ. Ban đầu Sư đến Thiên ấp, xem đủ Thiên Chương, bèn càng rộng Quán xét mới hiểu rõ thắm đượm những điều nghe trước. Có người thức ngộ Huyền quy ấy lại khai mở trường giảng, đã xứng hợp với Bốn Nguyên, cho nên vượt lên. Thường ngày Sư ở trong chúng tăng giảng dạy, thời gian còn lại quét tước, tìm xem. Với các kinh trong ba Tạng suốt bốn năm khảo định. Nếu có Văn từ yếu chỉ liên quan với Luật học, Sư đều đối số, so sánh những điều thiếu mất ở trước. Từ khi Luật Bộ truyền bá mở mang đến Phương Đông đã sáu trăm năm, nhưng những người truyền độ quy giới phần nhiều đều mê lầm thể tướng, năm bộ lẫn lộn không Phân, hai kiến rối rắm xen lẫn. Mọi người thọ giới trong nước đều đọc tụng văn luật của Ngài Pháp Chánh. Còn đối với bộ Hành Hộ thì tùy tướng phần nhiều ủy gượng, thầy trò nối nhau, yên để mặc tình lấy bỏ. Kinh trọng cắt đứt lẫn nhau. Sư bèn trình bày khái quát, thường khai mở cho người mới học. Thương lược xưa nay trình bày đầy đủ với người đời. Sư có soạn “Ngũ Bộ Khu phân sao” hai mươi mốt quyển, chỗ gọi là Ao cao sáng rõ, lưới trời bày xa, lại mở thoảng văn khác, gồm sơ Dị thuật. Các luật được dịch hơn bốn trăm quyển, nhân đó Sư lần lượt giảng giải. Nguyên nhân là loạn lạc, nay gồm cả những điểm đồng dị, định lại sự phước lập. Bốn Sở do chính Ngài Văn Sư soạn, nay Sư giải thích cả hai càng nhiều gấp bội. Nên được các Bộ mới nương gá ở thời Tiền Đường, bảy chúng đều được mở mắt nhìn trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627 - 650). Đó đều do năng lực của Sư.

Nhưng ở Quan Trung chỉ ưa chuộng, kính tin Luật Tăng Kỳ, từ khi Luật Sư Hồng Tuân bắt đầu khai giảng Luật Tứ Phần và gồm dạy kinh thì các hàng tăng tục đua nhau nương theo, cho đến truyền văn luật nghi đều bị xem thường như thế, Sư bèn lay động u cầu ấy, liền đối mở hai

thiết, lắng văn phục nghĩa, phô bày thông xưa mà chưa mở mang, nghi nạn lớn lao đè nén sự chưa mở hiểu của các Luật sư, Sư đều nêu Tông dẫn hội, Đại quán tan rã. Đó là do Lý tư trầm lắng dung thông, nên có thể gồm rõ ràng quyết định. Khiến khách hành trì luật ngày một đến đầy sân nhà. Luật sư Hồng Tuân cũng đích thân đến dự nơi pháp tòa, dạy chúng bắt chước theo. Đạo của Tướng Thành chẳng quên, công của Hoàng Tán không mất, bền được biết quy hướng về đất Tần, không ai chẳng Tông du pháp cảnh.

Bắt đầu từ những năm cuối đời Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy (605) và đến cuối cùng là trước lúc thị tịch, hơn ba mươi năm Sư riêng bước nơi chốn kinh đô, không ai dám chống lại, giảng nói khắp cùng, thành những bậc tài giỏi chẳng phải một vài vị, do đó mà dấu vết tiếng tăm nổi tiếng ở thời Tiền Đường, đều do sự tươi tắn dẫn dắt của Sư, thật là do công lao giúp đỡ. Lại mỗi lúc lên Pháp tọa dùng khuôn phép dạy răn đồ chúng, nếu có vị lạm trái thì Sư ngừng giảng. Hoặc có người bị rơi lạc sở học thì Sư đều gọi đến mà dạy răn dẫn dụ, khiến người nghe rơi lệ, không ai chẳng tự sửa đổi.

Đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) lại tìm mời Sư đến trụ chùa Đại Thiên Định; nay là chùa Đại Tổng Trì. Mọi sự cúng dường càng thêm nồng hậu, càng thêm di tước, Sư bèn nhìn lại Đạo hòa mục khắp cùng đất vua, phong hóa đời tràn cả quan biểu, đất xưa cũ điêu tàn lưu thần chẳng nương. Sư bèn nhật nhạn tất cả mọi vật có hơn trăm thứ, đến nơi thành cũ chùa Vân Môn ở Tương Châu (nay gọi là chùa Quang Nghiêm) ở hai chỗ xuất gia và thọ giới mà xây dựng hai ngôi tháp, dùng châu báu tô điểm, lấy xanh đỏ mà trang sức, làm nghi biểu cho nhiều đời, cũng là chỗ giúp cứu của người hành học. Mỗi Bia minh đều dựng lập ở phía bên phải tháp.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, có vị Tam Tạng Pháp sư người xứ Thiên-trúc mang phạm bản đến phỏng dịch thành tiếng Trung quốc đời Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) bèn ban sắc chiếu Sở ty tìm chọn đề cử những bậc tài giỏi, thêm bàn đề cập đến, đến ở đó phiên dịch truyền bá. Nếu có văn nghĩa liên quan đến Luật tông, đều dò hỏi Sư để lấy điểm chánh. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, trên vì bậc Thánh Thiện sớm mất, xa cảm khó tỏ bày, tuy hoàng hóa khắp thiên hạ mà tình võng cực chưa bày. Kính vâng vì Thái Mục Hoàng Hậu đến phía Tây cung thành xây dựng chùa Hoàng Phước, rộng thỉnh mời các vị tài đức đều nhóm họp trong đó. Sợ họa may lúc vẻ vang vọng lên chỗ ngôi vị. Vì Sư Đạo vốn

nghiêm chánh, chẳng lạm đón mời. Trăm Quan đều tấu trình thỉnh Sư làm Thượng tọa chùa Hoàng Phước, cai quản giềng mối, nhật nhật cất nhắc tăng chúng. Như có người dự được đón nước, không ai chẳng dò hỏi mà trở về nhà. Nên khiến tăng chúng nhóm họp v.v... đều cảm giác như Lan, không trang nghiêm thành khuôn phép, lưu tỏa hương thơm chẳng dứt. Từ lúc bắt đầu khai giảng, Sư thệ nguyện thấu cùng trăm biển. Nếu thành đạt tâm nguyện thì tối chết cũng được! Bắt đầu từ Chương biểu, cuối cùng đến Vị Tân, Sư tùy duyên đào luyện dất dấn, vừa hợp thấu với bốn nguyện, vui mừng với chỗ nhớ nghĩ. Không bao lâu thì Sư qua đời. Rõ ràng nhận biết các vật bàn luận, có thể gọi là biết mạng.

Đến ngày hai mươi hai tháng tư năm Trinh Quán thứ chín (635) thời tiền Đường, bệnh trước lại thêm nặng, Sư bèn thị tịch tại chùa, thọ sáu mươi chín tuổi. Vua Thái Tông buồn thương viếng điếu. Ban sắc bảo trăm ty cung cấp, mọi việc cần thiết trong tang lễ đều chu cấp hoàn bị. Từ đời Tùy đến thời Tiền Đường, chư tăng thị tịch đều không có quốc táng, khai mở ra khuôn phép. Bảy giờ, cùng nhau kính trọng. Bộc Xạ Phòng huyện Linh, chiêm sự Đỗ Chánh Luân và các công khanh đều gấn gũi rất mực, tôn kính giới Phạm. Đến ngày hai mươi chín, trang biện mới đầy đủ, lúc ấy đang mùa hạ nắng nóng mà nhục thân Sư chẳng thối rã. Mọi người cùng khen ngợi đó. Đó cũng là do Đức giữ giới. Học chúng của Sư ở các chùa đua nhau phước nguyện ngập rợp các nẻo đường. Quan cấp mười mẫu đất ở gò Long Thủ thuộc ngoại ô phía Tây kinh thành, ba trăm huyền phu làm đất phần mộ, trồng ngàn gốc thông, đến nay rất tươi tốt. Các học chúng mến nghĩa cùng nhau dựng bia ở cửa chùa Hoàng Phước, do Hứa Kính Tông soạn Văn.

Mới đầu, Luật sư Hoàng hóa, trước sau rất có tiếng tăm, rộng được khen ngợi, xưa nay ít ai được như vậy. Từ khi các bậc giảng sĩ đua nhau nghiên tầm truyện xưa. Đáp xét các Tông thường trái với Danh thật, chẳng tích chứa nhân qua đời, nên được tình trời ban rải, vài trăm năm trở lại đây thâm thập các tông mới định, Sư siêng năng nghe nói, chú trọng ở hành sự, tùy việc tạo nghi đều thi hành châm cứu. Mỗi khi đến ngày rằm, ngày ba mươi bố-tát thuyết giới, thì trước phải đầy đủ mọi pháp vật, hương hoa trang nghiêm sáng tỏ trong Phật đường. Thính chúng tham dự thấy đều chấp tay quỳ ngời, cả chúng cùng cung kính. Cuối cùng với việc trước Thuyết dục tỏ bày thanh tịnh, ngài riêng dạy răn kỳ vọng. Mỗi lúc giảng giải xuất tội mắc kẹt ở chỗ trầm lụy, nên các bậc Hiền Sĩ trì luật, phần nhiều đều đến tham dự. Từ khi Sư thị tịch

về sau, việc ấy dứt bặt.

Tôi (Đạo Tuyên) từng được dự ở cuối tòa trải qua mười năm thấy rõ sự khai hóa hưng thịnh của Sư, bất giác cho là lúc sống thì chưa muốn gặp, bèn nổi giận ra ngoài Quan biểu gần gũi đủ các Dị Đồ, tận mắt thấy ít có, sắp trở về Kinh Phụ, bỗng tiếp thừa ở đời thì hành tướng tự sụp đổ, lại mong ngóng đương thời thì vượt xa như trời vực. Than ôi! Rất đáng buồn thương.

2- Truyện ngài Thích Tuệ Tấn trụ chùa Phổ Quang ở Kinh Đô:

Thích Tuệ Tấn, họ Ngô, người ở xứ Giang Đô thuộc Dương Châu. Lúc mẹ Sư mang thai liền dứt bỏ mọi tham dục, với các thứ tanh nồng mùi vị thế tục, tự nhiên chẳng còn đoái hoài. Các hàng thức giả cho là bởi thai nhi khiến như thế, nên thân mẹ đồng như thân con.

Năm bảy tuổi, Sư sinh tâm kính mến chữ tăng, đi đường thấy bóng dáng Sa-môn thì sau đó quên cả trở về. Cha mẹ Sư vui mừng sự kính tin ấy bèn cho Sư nương tựa Pháp sư Vinh mà xuất gia. Sư tỏ vẻ hiếu hạnh, kính cẩn tự nhiên, không do thầy chỉ dạy. Tùy theo phụng kính như lúc đầu không trái vượt. Sư thường theo Pháp sư Vinh đi đến các chùa, Sư chẳng dám lia xa, bèn ở cạnh giường nằm của Pháp sư ngồi phủ phục dưới đất, cứ như thế chẳng phải chỉ một lần. Sư nghe Pháp sư Vinh giảng Nhiếp Luận, đại ngộ thời luân, liền giảng nói, được nhiều người khen ngợi, Sư bèn nói trong sáng thanh nhã, khéo hợp vật tình.

Vào khoảng niên hiệu Nhân thọ (601-605) đời Tùy, Sư theo Pháp sư Vinh được mời đến trụ chùa Thiền Định. Đến lúc thọ giới cụ túc về sau, Sư chuyên tinh về luật nghi. Nghe Luật sư Hồng Tuân giảng hai mươi biến. Lại nghe Luật sư Trí Thủ vài lần cùng đề cập. Ngài khiêm cung thành trị, lập luận chẳng nói. Giảng giải Nhiếp Luận mới phô bày Luật tướng. Bấy giờ mọi người cho rằng Sư nương tựa Đại thừa mà mở mang hành phạm.

Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, nơi biên giới có nhiều lo lắng, chúng tăng cả chùa Thiền Định cùng nhã ý suy tôn Sư khéo léo chống ngự kẻ địch. Bèn nhóm họp người vật ở các nơi đến đây khắp trang trại Côn Trì, phân nhiều thiết bày lâu chiến để chống giặc. Riêng mình Sư ra hiệu lệnh, chẳng ai dám đương đầu. Bấy giờ bọn giặc ty trúc cổ xúy đi khắp ngoại ô hoang vắng, đến nơi nào đều giết hết, không ai dám chống cự. Binh lính đến nơi Trang thứ, trong ý muốn còn giết sạch. Sư lên lầu xem xét, chỉ thấy trương cờ khắp mười dặm, bèn gom bó cung dao, lại trói buộc tội tở, bày biện các thức ăn,, mở rộng

kho lẫm, tự chân Sư trước vào trong Quân trận, nhọc hỏi Quân chủ, dẫn đến trong trang trại và mời ngồi. Đã trông thấy dọn bày mọi thứ, bèn mỉm cười mỗi vị đều cầm lấy tay Sư, chúc tụng “Đạo nhân khỏe mạnh”. Và ăn no nê rồi trở về, chỉ bắt lấy mười con bò, để đãi nhọc quân sĩ. Dẫn đi giữa đường, Sư từ sau đi theo xin lại, đem hàm trước nhìn lại và đều dùng hoàn trả đó. Do đó, mới đầu của Nghĩa Ninh, thông trang đều tan lở, chỉ có chùa Thiên Định vẫn như cũ không tổn hại gì. Liên sâu rõ cơ yếu, khéo thấu đạt mở ngăn, chỉ tại 1 người mà thôi. Lại vì Sư riêng có tánh khéo léo, không bố thí không được. Hoặc trang nghiêm tô điểm, hoặc xanh đỏ lẫn lộn, hoặc cắt may mặc vào vui chơi, hoặc ruồng đuổi người vật. Chúng tăng có cả bốn trăm vị đều cùng suy tôn sư là bậc Hiền. Còn như ngày tụng thuyết giới kinh, tiếng trong lưu loát. Từ trước đến nay những người lười biếng nghe Sư thuyết giới đều cùng đến dự ngồi nghe, chống tai ngồi thẳng kính sợ im lặng.

Đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư đảm nhiệm chức Thượng tọa ở chùa Vân Hoa, thường giảng dạy Nhiếp Luận, khai giảng Luật bộ. Sau, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) lại ban sắc cho Sư đến trụ chùa Phổ Quang, quản lý tăng chúng, lớn nhỏ đều thanh tịnh hòa mục. Đến mùa Đông niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa, thọ hơn năm mươi tuổi.

Bấy giờ, lại có các Sa-môn Mãn Đức, Thiện Trí, Chân Ý, Kính Đạo đều đồng học với Sư, kính mến nghĩa theo bạn. Ngài Mãn Đức tuệ ngộ thiên khai, bàn nói mở mang. Ngài Thiện Trí rộng hiểu sâu mâu, tánh ưa thích hộ pháp. Ngài Chân Ý dốt dẫn, giảng nói rất có công phu hành hóa nhiều trở ngại. Ngài kính Đạo ôm giữ trong trắng tự dưỡng, tánh chuyên kinh sử, phần nhiều theo vật. Chỉ một mình ngài Chân Ý hiện còn giảng dạy tại kinh đô.

3- Truyện ngài Thích Pháp Lệ trụ chùa Nhật Quang ở Tương Châu:

Thích Pháp Lệ, họ Lý, người ở xứ Triệu Châu, vì làm Quan nên dời nhà đến ở Tương Châu. Từ lúc vừa mới sinh mà răng nướu Sư đầy đủ, mãi đến lúc tuổi già vẫn không bị hư gãy, bền cứng trắng sạch khác thường.

Đến tuổi đi học, Sư bèn mừng vui với Đại Pháp. Mới đầu, Sư đến quy hướng Pháp sư Linh Dự và liền được độ cho làm đệ tử. Phong thái Sư trong trắng khoan thai, oai dung cao nhã, nói bàn rộng lớn, rất ưa chuộng huyền áo. Từ khi thọ giới cụ túc về sau, Sư cẩn trọng giới khoa,

Sư nương theo Luật sư Tĩnh Hồng thừa hỏi Luật Tứ Phần. Chỉ huy hình lười qua hơn một năm, chấn bày công tích huy nhu, vẻ vang nổi bật ở đương thời. Công nghiệp đã hiển bày càng bất chước vết khác, Sư lại theo Uyên Công ở Hằng Châu nghe học Đại Nghĩa. vừa mới tròn hai năm mà sơ lược càn lá, xét cùng gốc rễ. Ngay đó Sư liền rộng dẫn những điều đã nghe, mở giảng Luật yếu. Văn từ đơn giản nhưng đến chỗ kích nạo càng vững chắc nên được gần gũi, không bao lâu mà riêng bắt rất xứng hợp xưa nay. Sau, Sư lại đến Giang Nam xem đọc Luật Thập Tụng, đều do thầy trao truyền, đánh xét chưa giúp. Sư lại trở về Nghiệp Trung, gặp duyên khai giảng dẫn dắt. Vào đời vua Dương Đế (Dương Quảng 605 - 617) đời Tùy, Đạo tiêu núi đổ, bụi trần vấy nhiều. Người học bít lấp, không nhờ đâu để thừa hỏi. Đến thời đại Tiền Đường dựng lập cơ nghiệp, Phật pháp lại được mở mang. Gặp được Lâm Chương lệnh Bùi Sư Viễn sớm tiếp thừa thanh huấn, dự bày Pháp diên, thỉnh Sư đến huyện mở mang nối nhau, trải qua nhiều năm khai ngộ rất nhiều. Khắp bốn phương những người kính mến Đạo nêu cao mạng giá, khế giải thẳng đường, hạnh thuận nhập thất. Sư vì hàng mới học cùng hàng đã tụ tập từ lâu nương gá thừa hỏi chẳng kết quy, nếu không lưu suốt Văn Ký thì không đường thông tâm. Sư lại khai thác vốn nghiệp càng gượng gượng dị văn, bên cạnh thừa hỏi kinh luận, lấy đó làm bốn số. Bấy giờ, có Pháp sư Tuệ Hưu là bậc có tiếng Đạo trùm xa, được người đời kính trọng, tán đánh Thần lý, văn nghĩa tiếp nhau, nên được hợp thể cùng chiếu, luật quán cao xa. Ấy là ngài Tuệ Hưu rất có công phu.

Đến tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Phổ Quang ở Cố Nghiệp, thọ sáu mươi bảy tuổi. Trước sau, Sư giảng luật hơn bốn mươi biến, soạn Tứ Phần Luật Sơ mười quyển. Yết-ma Số ba quyển, Xả Sám Nghi Khinh Trọng Tự, v.v... các quyển bộ này đều được quý trọng ở đương thời.

Bấy giờ, ở Vệ Châu có Sa-môn Đạo Thước cũng là bậc y cứ của Luật học, nghiệp giá xuất phát từ nơi ngài (Pháp Lệ), rất được người đương thời kính trọng.

4- Truyện ngài Thích Huyền Uyển trụ chùa Phổ Quang ở kinh đô:

Thích Huyền Uyển, họ Dương, người ở xứ Hoa Âm, thuộc Hoàng Nông. Nhân tổ tiên xa xưa của Sư dời đổi nên nay ở tại Tân Phong, thuộc Ung Châu. Vừa mới độ tuổi học trò, Sư đã tỏ ngộ Đạo, tiết tháo xung minh. Chí đấng tuổi học, Sư rảo bước vào vườn Đạo, kính thờ Sa-

môn Pháp Sư Đàm Diên làm thầy. Ngài Đàm Diên chấn lãnh cao rộng, Pháp Chủ Di giáo, rất được vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy kính trọng, xây chùa thỉnh mời Sư đến, thấy rõ trong biệt truyện. Mà Sư ở giai vị nhập thất, cung kính nhớ nghĩ.

Sau khi thọ giới cụ túc, Sư bèn theo Luật sư Hồng Tuân, học Luật Tứ Phần, mũ, mào ngăn tánh, rèn đức trì Phạm trải qua ba năm, Sư liền giảng dạy, khiến ở sau tiến tới ưa thích, suy tôn tốt đẹp khen ngợi. Sư bèn trở gót về lại với Bốn sư. Niết-bàn chân thể, nhật nhạn mới lạ, khéo viết chép chỗ sâu mầu. Sư lại muốn kính trọng, đeo mang Duy thức, bao gồm Lý tánh, bèn đến chỗ Thiền sư Đàm Thiên bẩm học Nhiếp Luận và tìm xem các căn cơ lanh lợi, thấu cùng tâm kế. Với các kinh luận như Pháp Hoa, Đại Tập, Lăng Già, Thắng-man, Địa Luận, Trung Luận, Bách Luận, v.v... đều giúp kế thừa. Sư nghiên xét điều mới nghe, xoay lại càng khảo cứu. Thời gian tìm hợp, cất nhắc huyền lý, nhưng nhìn lại phước trí, dẫn nhau có như luân trì. Tuệ nghiệp lược bày vạch đến cùng, nêu dựng khai mở ở đầu, trọn chỉ có Pháp sư Đàm Diên hiện còn!

Sư muốn tu tạo tôn tượng Đức Phật Thích-ca cao tượng sáu, kinh lược chưa tròn, lại bị trở ngại bởi vật, Sư phát chí thệ nguyện khắc tạo được như khuôn trước. Niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, nhóm họp người có duyên, tiện lo việc khuôn lò. Chùa ở nơi Kinh Cao xung yếu, mong mọi quy tâm, nên khiến cho rất cảm thắm thông, dất dẫn đều toại nguyện. Đang lúc ấy giữa hư không sắc mầu trong sáng, mặt nhật soi chiếu, trên trời hoa tuôn rải như mưa, tướng trạng như mây che khắp giữa hư không vùn vụt rưới xuống, cuối cùng đều rơi ở trước tượng. Các hàng liêu thứ mừng vui điều ít gặp ấy, Pháp thuộc vui mừng với điềm vinh hạnh đó. Đến sau khi mở khuôn, nhả tượng càng viên mãn, tức là rường cột của Quan phụ. Tượng vàng lớn vẫn chưa có tượng nào hơn, nay hiện còn tại Bốn tự. Mỗi lúc giữa đêm tĩnh lặng hay sáng sớm trong lành, vang vọng âm hưởng của Bát âm mà chẳng lường biết từ đâu vọng đến. Sư lại tu tập bốn Tạng kinh rất mực trang nghiêm, các nơi có tiếp nối ghi chép đều giúp Bốn cứ. Đến sáng sớm ngày mồng tám tháng hai ngày tám gọi Đại Thánh tượng, truy tìm viết tích cũ, tôn kính mọi vật dụng, tắm gội. Mỗi năm đến sáng sớm ngày ấy, kiến lập giảng hội, bày biện Đại trai, thỉnh mời khắp cả bốn chúng, cúng dường hai thứ ruộng Bi và Kính, bày biện bảy vật khắp cùng chư tăng. Sư lại thường bù ngùi cho thời tượng pháp, mặt pháp có thiếu sót quy cấm, còn việc trao truyền thọ, già nạn thêm rõ sáng mới tô điểm Đạo tràng. Sư tìm các

Sám Pháp, mỗi năm đầu xuân ở nơi thọ giới, y cứ nơi hai mươi lăm pho tượng Phật và đọc tụng ngàn biến thần chú, khiết trai hành Đạo, khiến những người hủy phạm cấm giới kia lắng nguồn trở lại thanh tịnh, dâng đàn nạp pháp minh bạch không nghi, đồng thời truyền nối pháp đến nay, gìn giữ không để đứt. Theo đó mà cầu có thể gọi là Bồ-tát Hộ pháp. Nhưng Sư tôn trọng Pháp hạnh, sớm tối nối nhau, như gặp những bậc Thượng Đức dị nhân thì vái chào, đối đáp vui mừng, thăm hỏi vâng theo lời dạy. Tuy nghe là đồng học khi xưa trước nhưng Sư vẫn cung kính như mới. Từ đó về sau càng khiêm nhường, ít có dấu vết.

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, vì Sư có giới hạnh vốn thành khuôn phép, nên khắp triều đình đến nơi thôn dã thấy cùng chiêm ngưỡng. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc thỉnh Sư truyền giới Bồ-tát cho Hoàng Thái tử và các Vương Công, v.v... Nên từ Trữ cung trở xuống đều kính trọng giữ lễ thầy trò. Vua có lệnh bảo xây dựng chùa Phổ Quang, thỉnh Sư đến ở đó, cúng dường mọi sự phong hoa, rộng đơm thọ hưởng. Vua lại riêng sắc ban thỉnh Sư vào Nội cung truyền giới cho Hoàng hậu, lục cung và các thứ phi, công chúa v.v... hỏi thăm Đức cấm, trao nạp pháp tài, ngày càng đông nhiều. Nhưng Sư khâm nhả tự giữ, chẳng đoái hoài có thừa. Mọi vật cúng thí Sư đều tu tạo công đức. Sau đó, vua lại ban sắc riêng thỉnh Sư vào trụ chùa Đức Nghiệp nơi Nội uyển, vì Hoàng hậu mà viết chép kinh tạng hiện tại. Đang lúc bấy giờ liền ban lệnh trụ chùa Diên Hưng cũng tu tạo Tạng kinh và đều giao phó Sư trông coi giữ gìn. Sư được hai cung nương tựa, nên đầu thành thật. Kỳ phụng chẳng khó, nghĩa phải rộng chọn. Từ cuối thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, đến đời Tùy lại phục hưng, truyền độ pháp bốn chỉ còn pho quyển. Còn như tìm xét Văn lý thì thấy có nhiều sai trái. Sư bèn nhóm kết các vị Sa-môn Nghĩa học đáp xét khuôn phép chánh, trong đó nếu có văn từ nghĩa chỉ chẳng thông đều thưa hỏi mà lấy sự quyết trạch, nên có được tạng Pháp bảo không xen lạp bởi si ngụy, mê ngộ có phân định gốc ngọn. Giềng mối rõ ràng bắt đầu từ Sư. Xưa kia, Vua A-dục lại nhóm họp ở thời nhà Chu, nay thì Sư định tông ở thời Tiền Đường. Kia đây thật khác, quyết đạt cùng ngang bằng nhau. Nhưng khéo răn dạy ở đời thì tam tạng gồm đủ.

Riêng vì Sư khổ tiết tự tu đức, do Luật nghi mà nổi tiếng. Nói vì làm khuôn phép cho đời mà kẻ tăng người tục đều quy hướng. Tăng ni ở các nước từ Trung Hoa đến vùng man rợ theo Sư cầu thọ giới Cụ túc có hơn ba ngàn người. Các hàng Vương Công liêu tả cho đến thứ dân theo Sư cầu thọ quy giới có hơn hai mươi vạn người. Anh em Tả Bộc Xạ

Tiêu Võ là người nhân luân phải noi, đã lâu nhàm chán cuộc đời phiền não, thường đến chỗ Sư cầu hỏi về Diệu Chỉ của Pháp Hoa hội ba, Giáo nghĩa trong lời dạy của Long Thọ, trầm ngâm đối cảnh, kính vâng mà mang về. Hữu Bộ Xạ Đồ Như Hối lúc sắp qua đời ủy thác Di Mạng vì làm nghĩa thầy trò nhiều kiếp. Đại tướng Quân Tiết vạn Triệt Tỳ Quý cùng giòng họ của người mẹ đều kính trọng giới luật, ăn dùng rau quả thanh tố trọn đời.

Có Pháp Sư Đạo Nhạc ở chùa Phổ Quang, là bậc thấu suốt u quan, biện giải mở toang tuệ phủ, kính thờ giới hương, hành đạo Bồ-tát Đạo, mà cấp dẫn quên cả mỗi mệt, hoằng hóa suốt ngày. Nhân đó mọi người thay đổi, cố gắng tu tập, tính ra số lượng chẳng phải thường hằng cho nên các hàng sĩ thứ ở Kinh Phủ nổi gót theo đến như mây ùn, mọi sự lễ cúng nối nhau ngày một đầy chật kho lẫm. Bấy giờ, có thầy đồng cốt bảo rằng: “Mỗi lần Sư đến truyền giới, giảng pháp có các loại quý thần khác nhau ở các phương tìm đến như tiếp nhận, lãnh thọ. Tự chẳng đến thì công phu âm thầm trùm khắp, ai có thể đạt được như vậy ư!” Sư đem giới pháp khuyên răn đó rất mực thành thật, vật và ta đồng kính chuộng, nghĩa đồng như gió lướt, sự hợp tợ cỏ rạp. Bèn gửi thư nói với Hoàng Thái tử rằng: “Nguyên chánh báo đầu tiên cảnh phước đổi mới, cúi xin Điện hạ nên phải thời cấp giúp khắp cùng, không ở đâu không cấp giúp. Chỉ vì Huyền uyển tôi sớm đắm chìm, chẳng được kính phụng vui vẻ, được ban giảng đợi hỏi, không nhận chịu trông mong, cảm đoái hoài ân lớn, không biết phải làm sao. Nay lược nêu việc trọng yếu trong kinh, tức có thể rõ bốn điều của hành giả, lưu ý tìm xét trọn tiếp nối vận may. Một là khuyên hành Từ; tức dẫn Văn trong phẩm Phạm hạnh của Kinh Niết-bàn, khiến khởi tâm hàm dưỡng, lại còn có cả sự cứu giúp. Hai là giảm giết hại, tức dẫn sách lễ của Nho gia là vô cố chớ nên giết hại trâu dê, phải quý trọng mạng sống của nó, bỏ sự xâm lạm quá mức. Lại nói là Vương giả tu sửa cách giáo hóa chẳng đổi thay phong tục, chỉnh trang chính sách đó chẳng đổi thay điều thích hợp. Thấy nó sống không nữ thấy nó chết, nghe tiếng kêu bi thương của nó không nữ giết hại ăn thịt nó. Đó tức là Thượng Đế buồn thương sự mất của tổn hại, dựng lập đình chỉ sự giết hại dần dần. Nên trong Kinh Phật có thí dụ tự tha thứ mình để dạy răn về mọi sự đánh giết. Huyền Uyển tôi nghe Đông Cung thường ngày lo việc nấu ăn. Xét như chỗ tiếp thừa ấy rất có tổn hại. Điện hạ vì liệu tính chỉ 1 thân mình mà khắp nghĩ các quan liêu, đến nỗi có nguyên do để giết hại sinh mạng loài vật, không gì chẳng đều là suy trọng Điện hạ. Do đó kéo dài nhớ nghĩ sợ sệt. Tôn kính lòng từ hỷ

tha thứ, từ nay trở đi xin bớt sát sinh. Đông cung trong ngoài đề giảm thức ăn bằng thịt, thì trải dài vận mạng, đức Nhân dưỡng dục ấy càng lớn! Ba là Thuận khí, như trong Kinh Bất Sát nói rằng: “Đức Nhân chủ chính tại gan, gan thuộc về Mộc (cây cỏ). Đang đầu mùa xuân, muôn vật đều mọc lên, nên tích dưỡng các phẩm loại dùng để đáp lại minh tạo. Nếu có giết hại tức là chẳng thuận khí. Điện hạ đang ở giai đoạn Thiếu Dương, Phước ở Xuân nguyệt, nên hành từ để hòa với chánh khí, ban tuệ để bảo dưỡng thiên linh, xin nên hằng năm đến cuối xuân dứt bỏ việc giết hại ăn thịt, xót thương các loài hàm sinh để thuận với dương hòa này! Bốn là vâng giữ trai giới. Như mỗi năm ba tháng sáu ngày trai giữ thanh tịnh sáu căn, là chứa nhóm năm phước, cúi mong vâng giữ thọ trì trai giới. Vì sao nay đang hưởng ngôi vị quý trọng này đều nhờ nhân xưa, lại có thể tiến thêm Đức, tôn sùng điều lành để thành tựu tốt lành ấy, cho nên thiện tri thức là nhân duyên lớn. Huyền Uyển tôi đạo đức sơ sài, cúi xin được đoái hoài, kính cẩn dẫn ra những điều thấy nghe, dám mong nghe xét!”

Thư đưa đến, Hoàng Thái Tử liền đáp rằng: “Nhọc mệt thầy chỉ bày bốn khoa Pháp mầu, lần lượt đọc xem đến cùng, dùng làm bài minh sâu mầu đeo mang. Pháp sư sớm trải khắp trần lụy, thần thức vượt ngoài vật, mở mang lời nhiệm mầu của Thấu lãnh, tham cứu Bí tạng của Long cung, khai mở Linh phủ, ngưng chiếu huyền môn, hảnh dùng cao bước đầy trời, gần bậc Sơ Địa, cho nên có thể lưu tình rộng thí, mở mang dắt dẫn hàng Sơ tâm. Lý thật nghĩa cùng, văn từ hoa nhã cao xa, bao gồm xưa nay, trùm khắp trong ngoài. Dạy răn dẫn dụ chí cực, phương cách xét bàn. Dù cho Thánh đạt lập ngôn thầy truyền mở đạo thì cũng chưa đủ để hời hợt bến bờ cốt yếu. Phỏng bàn cao luận chỉ là hành từ, giảm bớt giết hại, thuận khí và kính giữ trai giới. Đó mới là tâm của người Nhân, để thành hạnh Đại từ. Kính cẩn nên ngậm ở các tâm phủ, kính vâng để chu toàn. Mãi nhờ thắng nhân, để thâm giúp ấy!..” còn các phần văn khác ở đây không ghi. Sư có được những việc làm, lời nói đại khái như thế.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc chiếu khắp nơi chấm dứt việc giết hại bắt đầu từ tháng ba đến hết tháng năm. Sư dùng Đức Nhân dưỡng dục gồm cứu giúp, bèn dâng tấu khải văn lại thỉnh. Vua lại ban đặc ân chấp thuận đến hết tuổi già. Đến cuối mùa đông niên hiệu Trinh Quán thứ mười (636) thời Tiền Đường, vì bị bệnh, Sư dự biết về đời sau, nên lại dâng Khải Văn cùng Đông cung, thường đem Đại Pháp mà đề đạt

đến. Sư lại dâng tấu Di phong Văn Biểu với Vua rằng: “Huyền Uyển tôi nghe chân dung ẩn vết. Tượng giáo gặp phải tàn khốc, không ai chẳng cây tăng tục để giữ gìn, thiết bày nội ngoại mà bảo hộ, bèn được mây pháp lại đơm nhuần, mặt trời trí tuệ thêm sáng. Soi chiếu hợp muôn thừa, tiếp nối mạnh mẽ suốt ngàn năm. Trộm tìm lý nghĩa trụ trì có nhiều cửa, phương thức mở mang giáo pháp, chẳng phải một. Nếu chẳng y theo sự lấy bỏ của Phật, thì vẫn sợ thưởng phạt sẽ trái Tông. Như khi chuẩn định giáo điển xem xét thì đơn giản mà đúng lý. Cúi vì các hàng tăng ni chẳng y cứ vào giới luật đến nỗi phạm phải hình luật điều chương, vang tới tận triều đình quyết định mảy trần nhọc nghe xét. Huyền Uyển tôi v.v... Tăng đồ không phải việc gì cũng khiếp sợ. Chỉ lo tháng ngày còn lại, mờ tối già nua, bệnh khổ nối nhau, mạng suy kém chẳng còn, ân đức lớn lao chưa đáp trả, bèn y cứ trong kinh mà soạn bộ “Phật Giáo Hậu Đại Quốc Vương Thưởng Phạt Tam Bảo Thập”, “An dưỡng thương sinh luận” và “Tam Đức Luận”, mỗi thứ một quyển, cúi xin Thánh cung cùng bày xem xét. Bộ hạ rộng mở đường thượng thư, mong nhận nạp lời thô thiển. Kính cẩn hiến dâng kinh Bí yếu, xin xem kỹ lời dạy từ miệng vàng. Chỉ vì Huyền Uyển tôi đang truyền Pháp, ngõ hầu không lỗi lầm cùng vâng giáo, nâng đỡ kẻ yếu đuối, để báo đáp việc chung hậu, không dẫn nỗi sự luyến mến kính ngưỡng, nên kính cẩn dâng kinh để tấu trình”. Sư lại răn dạy môn nhân đối với Đạo kiểm, lời lẽ rất mực rõ ràng thống thiết, người đọc phải rơi lệ. Sư lại bảo rằng: “Ấm chất còn lại thí cho các chúng sinh, Di cốt còn thừa y theo pháp xưa mà thiêu đốt. Chế phục điều Tang, mỗi thứ đều không để nơi cõi lòng!” Đến ngày mồng bảy tháng chạp (năm 636) Sư thị tịch tại phòng ở chùa Diên Hưng, thọ bảy mươi lăm tuổi.

Các hàng tăng tục mất nơi nương tựa, Hoàng Trữ buồn thương, Vua Thái Tông ban sắc chiếu rằng: “Luật sư Huyền Uyển giới hạnh trong trắng vững chắc, hoặc nghiệp thanh tịnh, nhờ Sư hoằng tuyên chánh pháp, lợi ích muôn loài. Không may, Sư đã thị tịch, tình sâu bùi ngùi!” Ban vật như ly biệt, mọi sự cần thiết trong trai hội lễ tang đều do thiên phủ xuất cấp. Xuân cung ý Thích Khanh tướng, quan lớn đều thí xả vàng bối, dâng cúng hỗ trợ tu phước. Đến lúc trăm ngày. Đặc tấn Tiêu Võ, Thái Phủ Tiêu Cảnh, Tông chánh Lý Bách Dực, Đả Sư Đỗ Chánh Luân, v.v... đều là những người gần gũi vâng giữ giới ước, tự thân rất mực ai lễ. Sau đón rước đến an táng nơi chùa núi, phước lọng rợp ánh, hương hoa tung loạn giữa hư không, mọi người đi theo như mây bủa, chúng đông đến mấy vạn. Đầu đón rước đã đến Chung Nam mà

đuôi vẫn còn ở kinh thành. Hơn bốn mươi dặm các hàng tăng tục đông đầy đường. Mọi người đều bảo nhau rằng: “Thầy ta mất như thế, giới nghiệp ai bảo hộ!” Nên Sư rất được người đương thời y cứ như thế. Các hàng đệ tử v.v... có hơn năm trăm người vâng theo di chỉ. Khi đó, mây cao gió lặng, nước sạch dầu thơm cả bảy chúng đến đầy núi đồng, một lòng buồn kết, bèn bảo châm lửa y như Pháp trà-tỳ, củ cháy hết tro tàn bay, tự nhiên trở về cội gốc. Bèn ở ngay chỗ trà-tỳ xây một ngôi tháp Phật, dùng để thắm nhuần linh thức, nghi tượng vẫn hiện còn. Đông Cung Tẩy Mã Lan Lăng Quân soạn bài minh. Tông Chánh Khanh Lý Bách Dực soạn văn bia dựng lập nơi tháp, bấy giờ là đứng đầu.

Từ đầu đến cuối, ý Sư là mở mang cứu giúp, sinh thiện phước trí, tiếp nối nơi tâm. Khoảng đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, bấy giờ vừa trải qua thời vận xấu, gạo thóc hiếm quý, khách tăng không nơi nương gá, Sư bèn dốc hết sức thừa, hành hóa những nhà sung túc, hề được bao nhiêu cúng dường, Sư đều sung vào cung cấp. Thường ngày Sư đến nơi bếp chùa gần gũi hỏi han mọi thứ, nên khách chủ đều vui mừng. Lại nữa, trong thời tượng quý, rất nhiều người xem thường giới luật, Sư mới đem thân mình tự làm khuôn phép cho mọi vật, dẫn dắt các Pháp thuộc. Đích thân cầm văn kinh, theo thời đến nghe, trải suốt mười biển, xa tiếp nối vết trước. Có Luật sư Trí Thủ là bậc đức sáng vẻ vang cùng khắp đế kinh, thật giúp thành khen ngợi có thể quạt lên cơn gió thơm, tự thấy khiến thấu đạt, ít người có khả năng mở mang như người này. Nên khiến vào thời Tiền Đường tìm cử những bậc có tuổi tác đề bạt các vị Hiền lương phần nhiều thuộc ở Luật tông, thật là do từ Sư đức nấn thành. Dung nghi Sư đạo mạo, khuôn phép trang nghiêm, tiếng nói sang sảng, mọi người tham dự, chiêm ngưỡng không ai chẳng kính sợ, nên Đồ Tượng Quyết tướng vẫn còn khiến người sợ.

Sư có đệ tử là Sa-môn Tăng-già, họ Nguyên, Sư là vị tăng thanh bạch tỏ ngộ ít ham muốn, thường theo ngài (Huyền Uyển) dẫn dắt mọi vật, lập chí chân chánh, với mọi sự dè pha can ngăn chẳng hề biến đổi sắc mặt, Sư dùng pháp vị tĩnh lặng làm chính, lại chẳng mong cầu ở người đời, nương tựa nhân tĩn, chuyên tâm nghiệp đạo là chỗ toan tính. Lúc sắp thị tịch, súc miệng trong sạch, kiểm thúc oai dung, dạy răn rõ ràng rồi thị tịch. Há chẳng phải thầy trò có đức hạnh khiêm cung, dứt bỏ bụi trần! Chỉ tiếc rằng Sư tịch quá sớm nên thanh quy chưa được lan xa.

5- Truyện ngài Thích Tuệ Tiêu trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu:

Thích Tuệ Tiêu, họ Lưu, người ở xứ Bành Thành. Gia đình dời đến ở Trường Cát thuộc Hứa Châu, nên lại làm người huyện ấy. Gia đình nhiều đời làm quan, xứng sĩ Đại Phu.

Năm mười tám tuổi, Sư đang là thư sinh, thông ngộ mẫn đạt, khéo nói thi lễ, khắp châu quận đều vì Sư thông hiểu kinh nên đề cử. Chẳng phải chỗ ưa thích, nên Sư bèn vào núi tung cao tìm thầy xin xuất gia. Tuy nhớ dai những việc trước, nhưng Sư nhờ giới hạnh mà nổi tiếng. Nên các bậc lão cựu minh đạt cùng bảo rằng: “Nếu người nào được như thế thì sẽ là Ưu-ba-ly ở đời nay vậy!”

Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Sư đến học ở Nghiệp Thành rộng gồm các kinh luật, mới luyện suốt các bộ, nhưng chỉ y cứ Luật Tứ Phần. Nghe ngài u Thê chùa Linh Nham ở Thái Sơn là nhà khiết hạnh, Sư bèn đến nương theo. Sau vì Hòa-thượng già yếu, lại trở về Trung Nhạc. Bấy giờ, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581- 605) đời Tùy sáng lập cơ nghiệp, khắp bốn biển đều là nhà, cho nên được mặc tình qua lại, không hề trở ngại bó buộc. Bấy giờ, có Sa-môn Minh Lãng ở chùa Long Môn, là bậc rất mực trì luật ở Hà Đông, vì sự rất có tiếng tăm, nên chẳng ngại xa mà đến nương tựa. Ngài Minh Lãng tuy tuổi lớn hơn Sư mà thấp mình lễ sự, đồng thời sâu cùng thấm đượm, đạo hợp vui vẻ, lưu lại thời gian lâu, sau đó thỉnh Sư về Hà Khúc, Sư cũng chẳng ngại ta người, bèn cùng đến trụ chùa Định Lâm thuộc ở Long Môn. Trải qua nhiều nơi, chỗ nào thích thì ở. Tìm người đồng chí chẳng sợ hiểm nguy. Tại núi Mã Đầu, có Thiền sư Tăng Thiện, nhóm chúng kết nghiệp, Sư bèn đến đó tập học Định Pháp. Sau về lại chùa của ngài Minh Lãng mà giảng dạy Luật tạng.

Đến niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Sư từng đến núi Hoàng Giáp, nương gá hang cốc mà kiết hạ. Có người bị mất mạng, nhân việc mà đến đó. Ngài không nở để lại qua thời gian lâu. Về sau sự việc bị phát hiện, dẫn kéo Sư là bạn, Đốc khóa sở tại bắt đến ngục. Gặp lúc các ngài Tăng Thiện, Minh Lãng đều đã thị tịch lại gồm bị ép tội, Sư bèn chống tích trở về phương Nam, trên đường ngang qua Bồ phản. Bấy giờ, các Sa-môn Đạo Tích, Thần Tố, Đạo Kiệt, v.v... đều là những bậc tài giỏi ở Tấn Châu, vốn cùng Sư chu toàn, qua lại nhiều năm.

Lại gặp lúc cuối thời Vua Dương Đế (Dương Quảng) nhà Tùy suy sụp, pháp lệnh hiển bày, tàng ẩn nghiêm khoa rất nghiêm khắc. Sư hứa đem thân vì Đạo tùy việc Đông Tây, danh suốt lâu trừ, gá ẩn nơi sâu xa hiểm trở, chẳng nguy hiểm nào không trải qua, như đi giữa sân nhà.

Mãi đến lúc Trung nguyên yếu thế, yêu khí rối loạn. Hà Đông Quận Thừa Dinh Vinh kính phục Đức âm, thỉnh Sư đến trụ chùa Nhân Thọ, mở mang Luật tạng, các học giả đến nương theo. Vào niên hiệu Nghĩa Minh (617-618) đời Tùy, khắp cùng Tây Vực, không thiếu sót giảng nghiệp. Về sau, Sư lại an tĩnh, cùng sùng Cao Pháp hội, khắp cùng các Châu Bồ, Thiểm, Tấn, Ráng, năm chúng đều bắt chước. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiên Đường, Sư thị tịch tại chùa Nhân Thọ, thọ bảy mươi ba tuổi.

Từ lúc Sư phục tâm giới nghiệp, diễn giảng dặt dấn làm chính, khi tiếp đối bạn đạo tốt không hề sai lầm ngờ vực. Mỗi lúc nhớ đến Sa-môn Tăng Thiện, Minh Lãng giao du tốt đẹp, bất chợt nước mắt tuôn rơi, chẳng hề cấm ngăn. Sư kính trọng mến mộ bạn lành như thế. Sư từng giảng Kinh Niết-bàn chỉ hai mươi biến mà còn tiếc không có công phu với Đại thừa. Sư tụng đọc Kinh Hoa Nghiêm, qua mấy năm mà miệng chẳng dứt tiếng, văn quyển chẳng lìa tay. Có người thỉnh Sư làm Phương Quảng giảng chủ, Sư bèn từ chối bảo rằng: “Tôi còn chưa hiểu ý kinh, làm sao giảng được?” Người đương thời cho rằng Sư rất trình thuần mà lại luôn lưỡng xét. Sư lại còn lo sợ sai lầm đối với hàng hậu học.

6- Truyện ngài Thích Tuệ Mãn trụ chùa Phổ Quang ở Kinh đô:

Thích Tuệ Mãn, họ Lương, người ở xứ Trường An thuộc Ung Châu. Cha của Sư tên là Xán, từng làm quan từ đời Tùy đến thời Tiên Đường, làm Thứ sử các Châu ở Hải Diệp. Năm vừa mới sinh, Sư vốn thanh khiết, giã gạo chánh nêu Tông. Từ tế hàm dưỡng gần như chẳng tu học. Với các thứ thức ăn ngon lành ở thế tục, trông thấy, Sư liền sợ hãi. Với Tăng nghi Đạo cụ vừa thấy, Sư liền kính ngưỡng.

Năm bảy tuổi, Sư ưa thích muốn được xuất gia. Cha mẹ vốn kính thờ Phật pháp nên chẳng trái chí nguyện của Sư. Cha của Sư đến Hải Châu, nhà Vua có ban sắc cho phép độ người xuất gia. Tiện đó, Sư được xuống tóc. Sư bèn theo cha trở về Kinh đô, trụ chùa Đại Hưng Thiện, làm đệ tử Pháp sư Tiên. Pháp sư Tiên vốn là người có tiếng tăm ở Kinh ấp, Thức ngộ có lắm người theo, vì tăng tục đều nghe, nên cha của Sư đích thân đến gọi gắm. Sau dẫn đến trụ chùa Tam Thiện ở cung Nhân Thọ.

Đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) thời Tiên Đường, Sư lại trụ chùa Đại Thiện Định, tấn đàn thọ giới cụ túc, kính thờ Đạo nghiệp nơi Luật sư Trí Thủ. Sư rất cẩn trọng oai nghi. Học chúng rất kính trọng. Sư nghĩ chọn Lý vị vì thấu đạt đến sáng tỏ là thường, mà chuyên cần với chính

sự, ưa thích thực hành khuyến giúp. Mỗi khi gặp lập giới thí thì Sư xướng bạch khoa cử, tự thân đứng trước chúng tăng hỏi xét nghi bàn. Đến khi thọ giới duyên tập có một số già nạc, vị Giáo thọ riêng đoán thật chẳng ít, Sư bèn dự khiến biết cùng, dẫn kéo võ tay. Đến nỗi có trường hợp gặp việc quên mất, luôn luôn nêu chánh. Nên mọi người đương thời đều tôn trọng Sư xét rõ của Sư, kính Sư thành tiến của Sư. Sư đến giảng dạy khắp bốn phương chẳng câu nệ thế lụy.

Niên hiệu Trinh Quán thứ ba (639) thời Tiền Đường, Sư từng ở Viện riêng nơi nhà Ngụy Bình Tài thuộc Phu Châu, giảng Pháp Yết-ma. Chỗ Sư ở vốn là thất Cỏ tranh, bỗng nhiên nổi lửa, gió thổi lửa bốc cháy dữ dội sắp đến phía Tây. Sư bèn tìm nước mà dập tắt. Nhân đó, gió liền xoay trở lại, lửa tắt mất nên không bị đốt cháy. Đó là do oai lực của giới đức, rất khó tiếp nối.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ bảy (633) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông ban lệnh xây dựng chùa mới, chọn ra các vị Đại đức. Mọi người đều cho Sư có công hạnh như trước đã nghe, bèn dẫn Sư đến trụ. Năm đó, ngài vâng sắc nhận làm Thượng tọa ở chùa Hoàng Tế, chuyên mở mang Luật tạng, dạy răn dẫn dắt tăng chúng. Tiếp thừa có khuôn phép, lan tỏa đến chùa khác. Có Cô ni ở chùa Tập Tiên vốn không có Tuệ giải, vọng bắt chước tập học, đúc các tượng Lão tử chân nhân, để tự cúng dường, và mời các Đạo Sĩ phái Hoàng cân đến giảng đường mừng hội. Sư cùng chư tăng đồng dự trai tập. Đã gặp phải việc như thế, Sư bèn quở trách ngăn cấm. Liền bảo Đại đức Hiển Hạnh đuổi phạt, lại tìm lấy Đạo tượng đưa vào chùa Thái Nguyên sửa thành dung tượng tôn tượng Phật, để răn cấm các thói quen khác. Trước kia, Chu Triệu Vương đang trị vì tại đất Thục, có Đạo Sĩ tạo Lão Quân mà lấy tượng Bồ-tát đứng hầu, chư tăng đem việc ấy tấu trình, vua mới phán rằng: “Bồ Tát đã thành không thể phá hoại, Thiên Tôn nên đưa lên một Bạc”. Quan mới đón rước vào chùa sửa thành dung tượng tôn tượng Phật. Đó là trường hợp tương tự. Lại có cô ni Tuệ Thượng, có một thời qua lại nơi cung cấm, gặp lúc vua Cao Tổ (Lý Uyên 618 - 627) đi xa, lia nơi cung cấm kinh thị, bèn lấy chùa của Tuệ Thượng đang ở để đặt Hoàng Linh. Cô ni Tuệ Thượng bèn lấy chùa tăng làm nơi cho ni ở. Sự việc trái với chánh sắc, chẳng ai dám đả động đến. Ngài bèn nhóm họp các vị Tam cương Đại đức, v.v... ở Kinh thất hơn hai trăm đến nơi đuổi đi. Sư bảo rằng: “Từ khi Phật Pháp truyền bá ở đời, chưa có ni chúng nào cậy thế lực quan mà chiếm đoạt chùa tăng. Đã là trái Pháp nên ra ngoài chúng, không được dự trong bốn chúng và qua lại các Pháp sự. Nếu ai cùng

với ni chúng của Tuệ Thượng bàn luận, thì cũng phạt giống như vậy, chế lệnh đã ban hành, đúng sai tự hiển bày!” Tuệ Thượng không chịu nổi sự trách phạt đó, bèn mách bảo với Đông Cung và các Triều tể. Có lệnh sai Chiêm Sự Đỗ Chánh Luân giải việc tẩn đuổi ấy. Tăng chúng đã nhóm họp, phần nhiều theo tình để bàn nghị. Sư bảo: “Điện hạ giữ gìn Chánh Pháp, Tuệ Mãn tôi y cứ theo Pháp tình lý. Nay thì trái lý cạy tình, đó tức là khuôn phép bị đảo loạn. Đuổi đi là trị tội, tội vẫn chưa đổi, y cứ đó mà thấy rõ chưa dám nghe lệnh chỉ”. Sư bèn cầm lấy đồ ngồi mà thối lui. Bấy giờ, tăng chúng sợ oai quyền bèn đồng giải mở tẩn đuổi. Sư nghe thế, than rằng: “Bạn tôi đã ít, nạn có thể sửa trị lại. Lại chẳng đồng giải mở, chỉ bày biết là tương trái”. sau đó, Cô Ni Tuệ Thượng sám hối lỗi lầm, Sư chẳng hề đoái hoài. Đến lúc Vua xa giá tuần du đến Đông Bộ, ban sắc cho Lý chúng ở trước. Sư nhóm họp chư tăng ở Kinh đô gồm hai trăm vị đến nơi cung quyết, trình bày can ngăn. Mỗi vị đều tự cởi áo ca-sa đặt để trên đánh đầu, bắt chước theo năm tội nghịch của Điều-đạt. Cả triều đều chăm mắt nhìn chẳng dám thông biểu. Cho đến đầu Quan, Vua lại ban sắc mới xoay lại. Sư thường an nhiên mở mang cứu giúp, nhóm họp đồ chúng giảng dạy, thành tượng sau cùng có gần tiếng tăm hình thái.

Sư lại nguyện sinh về cõi An Dưỡng, tấm gọi chúng tăng làm nghiệp chánh. Học tiếp nối đầu mối của An Công, chắc chắn thiết tha đau đầu tự cố gắng. Đến ngày hai mươi tháng tư niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiên Đường. Sư bị bệnh nhẹ, biết sắp đến đời sau, Sư bèn bảo tất cả mọi vật đều thuộc của Tam Bảo. Ngồi ngay ngắn trên giường dây, tự co đầu gối, mời đại chúng ở các chùa, già biệt từng người. Hơi thở từ dưới lên dần đến nơi tim, Sư nói năng đối đáp vẫn như lúc đầu, không mờ tối. Khí ấm dần đến miệng, Sư an nhiên thị tịch, thọ năm mươi bốn tuổi. Cử hành lễ trà-tỳ bên cạnh chùa Long Trì ở núi Chung Nam. Hài cốt đều cháy hết chỉ chiếc lưỡi không cháy. Lại chất củi đốt qua nhiều đêm, sắc màu càng tươi thắm. Bèn an táng tại góc núi. Sa-môn Tuệ Ngang chùa Tịnh Trú ở Kinh đô soạn Minh tụng, sự tích này thấy ở Biệt tập.

Sư có soạn Tứ Phần Luật số hai mươi quyển, giảng hơn bốn mươi biến.

7- Truyện ngài Thích Tuệ Tấn ở Kỳ Sơn:

Thích Tuệ Tấn, họ Bảo, người ở xứ Thượng Đảng thuộc Lộ Châu. Từ thưở nhỏ, Sư đã già từ cha mẹ, kính mến tăng lữ, tu tập giới luật

thực hành công phu. Sắp xuống tóc thì cha mẹ lưu luyến, bèn dừng ở làng tục. Sư nhân từ hiếu kính nổi tiếng. Đến năm Sư ba mươi tuổi, mọi người trong làng kính mến sự tinh thần khổ tiết, nghiêm khiết tự thân, đoạn dứt ân ái không nghĩ tưởng vợ con phiến lụy của Sư, bèn cùng nhau trình bày với cha mẹ của Sư mặc tình để Sư giữ trọn chí nguyện ban đầu. Sư mới được dự phần xuất gia, trụ chùa Phạm Cảnh ở Châu Trì.

Đến lúc đã thọ giới cụ túc, nghe nói thọ tịnh y mao ẩm, lại hỏi đến trì Phạm. Sư lại thiếu thừa hỏi tổ ngộ, nghe ở Nghiệp Hạ giảng luật, đồ chúng có cả ngàn vị. Sư tự vui mừng đầy lòng, lấy luật gá duyên, cầu không phải Văn chẳng hợp. Nhân đó liền đóng cửa tự tụng đọc hơn tám mươi biến. Hành yếu tai mắt cũng rất đầy đủ mà nghĩa lý nguyên do vết tích phải theo thầy để thọ học. Sư bèn đến chỗ Luật sư Hồng ở Tương Châu, ngồi một nơi lắng nghe không rời khỏi chỗ trải qua tám biến. Thắng duyên lắng tĩnh bên trong nối nhau mà nghe lại trải qua tám năm. Sau đó, Sư lại vội vã theo thầy đi khắp Nam Bắc, hoặc chốn núi non, hoặc ở giữa đời, vân du tham tâm kinh luận để giúp cho Luật tông. Lược tính trước sau chỉ một Tông Tứ Phần nghe qua một trăm hai mươi biến, Sư lại tìm đọc đến ba trăm biến. Tự có đồng trần chuyên chí lăm công, ít có đồng bạn ngang bằng như thế.

Khoảng cuối đời Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy, có vị tăng ở cùng chùa có Học nghiệp kém dở, khó ngang bằng với Sư nên ngầm ganh ghét. Sư bảo: “Cùng là xuất gia, đồng vâng theo Luật nghiệp, ngầm thêm quạ ruồi, há vì thân danh mà hiềm ganh ư? Xưa kia, nghe hạnh Vô Tránh Chỉ có ở ngài Không sinh, Thánh lập khuôn phép tốt lành, nghĩa chẳng tự kết. Tôi tuy chẳng thông minh nhưng xin theo nhã dụ!” Ngay ngày đó Sư đến từ tạ, xả bỏ công danh, dơ cao xiêm bặc mà ra. Trong chúng tăng có người ngăn cản. Sư bảo: “Tôi chẳng vướng mắc ở sự đi lại. Chỉ vì Duyên nên như vậy!” Nhân xa nghe các phương nơi có đồ chúng tài giỏi, địa thế tốt đẹp như Ngũ Đài, Thái Nhạc, Đông Xuyên, Bắc Bộ, Thường Sơn, Nhạn Môn, tùy đuổi theo vết thiền, không nơi xa nào Sư chẳng đến.

Có Sa-môn Tuệ Toản là bậc Đạo Vương ở Sóc Xuyên, Sư lại đến theo học định sư tông phó. Đến lúc ngài Tuệ Toản vào Quan nội thì ngài bèn sang Ky Sơn, phỏng theo vết tích Sào hứa. Nơi Nham Thạch tiện lợi có ngôi chùa xưa, Sư bèn quét dọn để ở đó, chân chẳng bước xuống khe suối hơn ba mươi năm. Lời nói và việc làm trở thành khuôn phép, các hàng tăng tục bèn tìm đến. Xưa kia vốn ở nơi sâu kín hiểm trở, nay

thì thanh thái. Nên đối với Pháp thuộc Sư thường dùng cả thiền lẫn luật nối tiếp nghiệp.

Đến ngày mười lăm tháng giêng niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) đời Tùy, bị bệnh, Sư bèn ngồi kiết già mà thị tịch tại phòng ở núi, thọ tám mươi sáu tuổi.

Bấy giờ, ở cùng quê với Sư, có Sa-môn Đạo Toản là người giỏi Luật Tứ Phần, tâm thần trong sáng, giảng giải nối nhau, truyền đủ chương sao, thân hình cao lớn, người thường ít ai bằng. Sư trụ chùa Pháp Trụ, nhiếp chúng mở mang hoàng hóa. Khắp bốn châu Hàn, Lộ, Bí, Trạch mọi người đều theo khuôn phép. Về sau, bệnh phong của Sư chóng tăng, trái với nghi tiết, tuy y phục suy hoại nhưng ăn uống không hề gì. Tội (Đạo Tuyên) nghe bèn đến đó. Sư vui mừng như gặp lại người đã quen xưa, tự tỏ ngộ vẫn còn rõ ràng. Tuổi Sư đã ngoài tám mươi.

8- Truyện ngài Thích Đạo Lượng trụ chùa Nghĩa Hưng ở Tinh Châu:

Thích Đạo Lượng, họ Triệu, người ở xứ Loan Thành thuộc Triệu Châu. Năm mười lăm tuổi, Sư nhàm chán thế tục, bèn đến thiền phường Sa Thản ở Châu Giới chỗ Thiên sư Bị mà xuất gia. Thiên sư Bị là người rộng thấu đạt, đức hạnh vang khắp Lương hà, chỉ giảng dạy Luận Đại Trí Độ, thần hiện trong xa. Từ năm mười sáu tuổi Sư đã lên pháp tòa, đến tám mươi tuổi, tiếng tăm chấn động vật tình, từ vị không biến đổi. Sư cung kính hỏi bày trông dự vào thính chúng, Thiên sư Bị mới bảo Sư đến núi Phi Long, chuyên việc tụng kinh. Chúng tăng ở núi có đến ba mươi vị đều là theo vết Thiên pháp. Vốn thiếu Tịnh nhân, chỉ có một mình Sư mà thôi. Đã ở ngôi vị dưới, mọi việc của chúng đều đến, mỗi ngày Sư tự xay giã năm đấu thóc, gần đến sáu năm mà không một lúc nào Sư biếng lười. Đi chân không ba năm, mỗi ngày sáu thời theo chúng, thường mong được sai bảo. Tâm trong trắng chẳng theo ai, chưa nhóm đến bảy năm, siêng năng mới được toại ý.

Nghe ở Tinh Châu, có Thiên sư Toản nhóm chúng khai giảng, mở mang Phật pháp hưng thịnh. Sư dần đi đến Kỳ sơn, bèn tấn đàn thọ giới cụ túc, dần hồi đi đến Thái nguyên, quy hướng nương tựa Sa-môn Tuệ Toản. Niệm định là việc chính, lại kính mến Luật tông. Có Luật sư Nghiêm là bậc đức hạnh khuôn mẫu đáng quy ngưỡng, Sư bèn đến theo thọ học. Nhân đó mà trụ chùa Vô lượng Thọ, tức chùa Luật sư nghiêm đang ở. Từ đó, Sư chuyên nghiên cứu Luật Tứ Phần, đêm ngày chẳng

quên. Sư lại theo Luật sư Nghiêm đến Thạch Châu nghe học Luận Địa Trì. Trải qua thời gian dừng ở đã lâu, Văn Từ nghĩa chỉ thông suốt, đáp thuật nhận biết trước, càng tăng thêm Danh Thật. Có Viên Tú Tài ở U tổng, học theo Nho giáo rất có công phu, đến theo Sư học Luận Khởi Tín. Sư bèn vì Vạch bày mở phát tuệ ngộ, ôm giữ đức tin chẳng biến đổi. Nhân có Luật sư Kham đang dẫn đồ chúng giảng dạy hạnh nghiệp ở Lã Châu, Sư lại đến nương theo, nghe ôn lại những gì vốn đã học. Sau Sư về lại chùa y cứ thời khóa giảng dạy.

Khoảng đầu thời Tiền Đường, Vua Cao Tổ (Lý Uyên 618-627) ban sắc vì Luật sư Tuệ Mãn mà xây dựng chùa Nghĩa Hưng. Vì ngài (Đạo Lượng) vốn có Luật hạnh trong sạch, nên thỉnh Sư đến trụ ở đó. Nhân đó, Sư thường giảng dạy, trấn giữ đổi thay tập tục ở đời. Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư đến Bồn Châu, Thiền Sư Bị vẫn còn sống tại Loạn Thành, vui mừng Sư từ xa về thăm hầu nên lập ra Luật diên. Sư lần lượt giảng dạy, tiếng tăm vang cùng Đông Hạ. Thính chúng có đến tám trăm vị. Mọi người đến thưa hỏi điều lợi ích ngày càng đông. Từ đó về sau, Sư thường mở Luật Phủ. Tính số lượng chẳng biết là số bao nhiêu. Thành giảng Học Sĩ có hơn bốn mươi vị. Sa-môn Pháp Hưng ở Tinh Châu, vốn xuất thân từ đó.

Đến nay niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Sư đã bảy mươi bảy tuổi, hiện ở tại chùa Nghĩa Hưng. Đang trên đường mở mang giáo pháp. Có học sĩ Đạo Trụ, vốn sinh tại Thái Nguyên ở Tăng Quán thuộc Thượng Đông. Sư nghe học rất có công phu. Riêng giữ không quên, xem các chương trình sơ liền giảng nói được. Nay hiện ở chùa Kinh, thường luôn hoằng hóa.

9- Truyện ngài Thích Tuệ Mãn trụ chùa Thông Huyền ở Tô Châu:

Thích Tuệ Mãn, tự là Huyền Tố, người xứ Hà Đông. Chí tánh ngay thẳng, tiết tháo chẳng như đồng bạn, nhân ái trầm lắng vốn tự bẩm chất. Đạo vang khắp ba Ngô, danh truyền cùng bảy Trạch. Tánh ưa thích chỗ sâu lắng, thường ở nơi hang núi.

Năm chín tuổi, Sư xuất gia, siêng năng nghiêm khiết hạnh nghiệp, Sư tụng Kinh Pháp Hoa, suốt năm tháng bèn được độ. Năm mười lăm tuổi, Sư nghe Pháp sư Quang người xứ Tân-la giảng Luận Thành Thật ở chùa Hồi hương. Sư dẫn trước hỏi đáp, tài giỏi vượt cả huyền tân. Mạng che cả u tông, các bậc kỳ túc đều vui mừng. Năm mười bảy tuổi, Sư nhận thỉnh về quê cũ chùa Quang Hưng ở Hải Diêm, giảng Kinh Pháp

Hoa. Thính chúng nhóm họp đều tỏ bày điềm lành, có mùi hương lạ, chỉ búng ngón tay thường tụ kết giữa hư không. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư lại nương theo Luật sư Chí ở chùa Trúc Viên học Luật Thập tụng. Văn từ nghĩa lý đều thông hiểu, cạnh đó thừa hỏi các bộ khác. Đến lúc Chí Công sắp thị tịch, ủy thác học chúng cho Sư. Sau khi việc tang đã hoàn tất, Sư bèn đi về hướng Đông đến Cối kê, vào đất Diệm đánh lễ Thạch Phật, và đến các trường giảng ở Thiên Thai.

Vài năm sau, Sư về lại đất Ngô, trụ chùa Thông Huyền, nhóm họp đồ chúng giữa mài Đạo nghiệp. Suốt mười bảy năm, Sư chẳng bước ra khỏi cửa chùa, không nhận thỉnh riêng. Từ đầu đến cuối thường mặc áo vải thô, ăn dùng rau quả. Mọi việc vui buồn đã dứt bật và bàn nói vui đùa cũng hết. Cuối đời Tùy, sụp đổ ly loạn, ở đất Ngô đói kém, các hàng tăng tục lánh nạn khắp đông tây. Sư bèn giữ lấy sự chết chẳng đổi dời, thiên tụng không nghĩ. Chim nhóm không phiến nhiều, đàn thú chẳng náo loạn. Quan Tổng Quản Tô Châu nghe Sư vẫn bình an, bèn thỉnh Sư ra núi, nhưng Sư cố từ chẳng đến. Lại sai sứ mấy phen cầu thỉnh mà Sư không đến. Bảy giờ, Thứ Sử Lý Liêm, Tiết Thông, Vương Vinh v.v... rất kính trọng cúng hầu, mà Sư vẫn giữ chí gá ẩn, trọn ngày đau đầu. Văn Công thông xét, chẳng thể đoạt vậy, bèn rước Sư đến Cốc Hoa Đình ở núi Cán, xây chùa hành Đạo mấy năm. Đất ở đó thấp trũng, muỗi mòng rất nhiều, Sư lo sợ làm tổn thương chúng bèn sắp xếp việc di dời.

Đến thời Tiền Đường mở mang việc giáo hóa, Pháp sư rộng lưu bố, Sư lại vào núi Hải ngu ẩn cư hơn hai mươi năm. Mọi người từ khắp các phương xa đến cầu thọ học thường có hơn trăm vị. Đất ở đó thích nghi với cây Tử, Sư bèn khuyên gắng trồng vài mươi vạn gốc tùng, giúp công đức cho Tam Bảo ở tương lai. Đến tuổi trung niên Sư đến khe suối phía Nam, cất một am tranh, hai con thỏ một con hổ thân thiết ở chung, trong ngoài không hề lẫn hại nhau. Đến như cầm thú thần kỳ đến xin thọ Quy giới. Trình bày những việc ấy không thể đầy đủ. Đô Đốc Tô Châu là Võ Dương Công Lý Thế Gia có gửi thư sai sứ đến thỉnh mà Sư chẳng đến.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Thứ Sử Giang Vương nhân dịp nước nhà độ người hành Đạo, bèn thỉnh Sư xuống núi. Giang Vương muốn thọ quy giới, dâng thí y pháp truyền các hương cúng. Sư bèn cố nhường các bậc Cao đức, chẳng nhận lấy một vật gì, từ giả trở về núi suối tiêu dao tự vui. Sư giảng các Kinh, luật, giới Bồ-tát, Luận Thành Thật số biến chẳng đồng nhau, với những bản luật xưa sơ cũ nếu có chỗ sót mất, Sư đều san định chánh bản mà truyền

bá. Sư soạn Bộ Thập Tụng Tư Ký mười ba quyển, Tăng ni hành sự hai quyển. Ni chúng Yết-ma hai quyển. Đạo Tục Bồ-tát giới Nghi Số, bốn quyển. Các vị học sĩ thọ nghiệp truyền hóa có hơn hai mươi người.

Đến ngày mười một tháng tám niên hiệu Trinh Quán cuối cùng (650) thời Tiên Đường, vào lúc sáng sớm, Sư thị tịch tại chỗ đang ẩn cư, thọ bảy mươi bảy tuổi. Trước đó ba ngày, có mùi thơm lạ lan tỏa khắp chùa, cả đại chúng đều lấy làm lạ bèn hỏi. Sư bảo: “Hôm sau ta sẽ đi, sinh tử là việc thường của con người. Sự sống ở đời vốn như mây bay, phải cẩn trọng chớ nên khóc lóc. Mỗi người phải nghĩ nhớ vô thường, sớm cầu tự độ. Mọi việc trong việc tang an táng, giới luật có nghi thường. bia chí trang sức văn từ, đều chẳng được làm. Nếu thực hành theo quyết biệt này, tôi đâu còn gì phải nói!” Đó chắc chắn lúc qua đời không nhiều loạn, đáng gọi là Kiên Trinh.

Thử Luận bàn:

Từ khi Đấng Pháp Vương xuất hiện làm lợi ích cho đời, là muốn lắng trong hai thứ sinh tử, cắt trừ ba chướng. Do đó lập bày Đại giáo, bủa lưới khắp các dòng Hữu. Tuy là hoặc lụy tăng nhiều nhưng phát khởi chỉ do ba nghiệp. Tùy nghiệp mà lập giáo, ba học được đặt ra. Giới vốn là để ngừa quấy, xét hợp với Thân miệng. Định chỉ lắng trong loạn động răn bảo nguồn tâm. Tuệ để ngăn tà, tin rõ hết hoặc. Ba pháp cùng nương gá, nghĩa hình Thánh lượng. Cho nên trong luận nói rằng: “Giới như bắt giặc, Định như trói giặc, và Tuệ như giết giặc”. Giặc, nghĩa là phiền não hoặc nghiệp, không thể dứt ngay được. Công do dần dần hàng phục nên lập ra ý nhiệm mầu này. Chẳng ai không đủ giới, Định, tu sâu biết chướng hoặc. Bậc Minh Trí quán sát thấy rõ sự ràng buộc, Ngã đảo đã tiêu, các nghiệp chẳng nhóm họp. Suy về cội gốc thì tịnh giới là Công, nói về sửa trị thì Chánh tuệ là đức. Trải qua tốt lành hay sinh, đâu chẳng phải như thế, đó khiến cho năm thừa nương gá nơi Giới Đạo, các thánh gánh vác tùy ở đường ngã tư, ban phước lành nơi bốn loài, rộng tiếp nối lớn mạnh ở muôn năm. Nếu chẳng có giới đức thì lấy gì để đổi! Kể từ Kim Hà nhiều lời, bắt đầu tập Pháp tại Linh Sơn. Bấy giờ vâng theo hậu vị, Đạo trùm khắp nguồn, tuy là thiết giáo nhưng chẳng thường cùng nhau xét lựa khinh trọng. Nhưng từ khi Thượng Tọa Bộ, Đại Chúng Bộ bắt đầu chia nơi kết tập thì năm bộ mười tám phái sau trăm năm, nêu bày đầy đủ ở truyện trước, bộ chấp v.v... tự rõ bày.

Vả lại, Luật tạng đã phân lâu, mới đầu truyền bá đến Đông Hạ thì Tát-đà-đa Bộ một bản Luật Thập tụng hoằng trì rất rộng, thật là do Luật sư Thanh mục mở mang ở thời nhà Tấn, Sa-môn Tuệ Viễn ở Lô

Sơn xây dựng thành tông, Cừ Dĩnh phân lục làm mạng lộ, Hựu Viện vấy sóng nơi Thích môn, lắng một giang hoài không hai kính vâng, nhưng tiếc vâng thọ Luật Tứ phần, tuy phiên dịch từ thời Diêu Tần mà bắt đầu giảng dạy ở thời Nguyên Ngụy, là do Xích Tư luận chủ ban đầu mới tụng truyền, chưa xoay vần đàm trao, sau đó trở lại xứ khác, nên học chúng ở phương này chưa dứt bật sự duy trì. Mãi đến thời các ngài Phú, Thông mới khai mở học tứ. Trong đời vua Văn Đế thời Tiên Tống có Di-sa-tắc Bộ chỉ một bản Luật Ngũ Phần mở dịch tại Dương Đô, do Ngài Giác truyền bá, ngài Sinh Nghiêm ghi chép. Văn rất nêu bày cốt yếu rất đáng truyền bá, các bậc tài giỏi không có ngày lưu đợm vị. Thật đáng buồn tiếc? Tuy nghe Hải Tân bày thuật, phần nguyện vạch từ, lên đó tìm cầu, danh thật trái lằm. Đáng tiếc Hoa Điển rộng đạt đến Thần Châu. Ca-diếp-di Bộ chỉ một bản Luật Giải Thoát. Bản Phạm truyền bá đã lâu nhưng không người phiên dịch, chỉ lưu xuất giới bốn hiện truyền bá ở đời, các tụ, không khác với các tông khác, nên ở đời có câu ngạn ngữ rằng: “Vọng Tập riêng đủ Ngu Tùng”. Bà-tha-la Bộ thì Luật bản chưa truyền, trong tạng thấy xếp vào Tăng-kỳ. Đó là do căn bản đại Chúng truyền, chẳng phải trăm năm năm tông phát sinh. Tổng cộng là năm Bộ chi phần thì Trung Quốc có được bốn Bộ. Nếu y cứ theo nhiếp ngọn về gốc thì hai Bộ là Tông chính, Trung Quốc cũng đã có được một. Ngoài ra các bộ khác phần nhiều là do các bậc Hiền Thánh ở Tây vực góp nhặt ghi chép hành sự. Trong đó, tụ loại tự phân riêng biệt, duyên tiếp nối khó bề xét, lựa nên nói lược về đó!

Nhưng mặt trời Tuệ đã lặn, dòng pháp trùn khắp. Điểm quan trọng của các hạnh không vượt ngoài kinh ấy. Xét nguyên do gá Tướng buộc tình, tâm sự dễ chuẩn. Động Tĩnh Khoa cứ thật hợp với oai dung. Phàm ngu vọng tập, thấy tướng hồng Thiện, nên luật tùy duyên chế cuối cùng ít trái. Thử nhìn rõ các bậc khai sĩ giảng dạy dẫn dắt, hạng người minh đạt phụng trì, thấy tướng rồi vội cùng bày thần lược, Bộ khác Phế lập, lấy bỏ khó thường, Học Quán chưa bày dễ nêu mở khai bày. Vì sao mà biết? Vì như một pháp thọ giới cụ túc, vốn là nền tảng của ba Thánh, các bộ đều trình bày chỗ cốt yếu đầy đủ, có tướng theo nhau. Khác Tông hội hợp thọ sự loại, sao bày đang được sáng theo đồng vẫn kế hợp. Xét về đất của hành sự thì bộ phận Hương nhượng, thấu cùng nguồn của thọ giới thì tông quy về Luật Tứ Phần. Nay thì theo học bày tướng, chẳng mô phỏng theo khuôn phép trước, ước đoán thì theo, vọng tình thì gá. Có thể gọi là thầy trò dạy răn sai sót, dạy trao không có công phu, cũng là nguyên hạnh nói khác, cơ thấy hạn hẹp lẫn nhau.

Trấu tạp như thế hơn hai trăm năm. Há chẳng vì mất người truyền thông nên khiến tiếng tụng truyền nơi đất Trịnh.

Nay thì lẫn lộn một nhà, gồm cả đều thực hành theo tông của Luật Tứ Phần, nên được đầu cuối thọ tùy nghĩa, khó trái cách. Nhiếp hộ tuy rộng, nhưng nguồn ấy có thể tìm. Từ nơi bắt đầu giảng luật, Sa-môn hiệu Pháp Thông ở đời Vua Hiếu Văn Đế thời Nguyên Ngụy ở phía Bắc Đại mở mang giếng mối, miệng đọc truyền trao, là điểm vẻ vang ở thời ấy. Có Sa-môn Đạo Phú liền tiếp nối giếng mối của ngài Pháp Thông, ghi chép số giải thành sáu quyển, chỉ là Trưởng Khoa, còn như nghĩa cử thì chưa nghe ở đời. Thời bấy giờ, các Sa-môn Đạo vị còn thuần, lời nói và việc làm hợp nhau, hễ nghe điều gì thì vâng giữ điều đó, chuyên việc gá đức, chẳng rảnh mà cầu mong. Cuối đời Ngụy, đầu đời Tề, có Sa-môn Tuệ Quang là bậc Tông tượng Bạt-đà, là bậc sư biểu hoàng lý, lại tạo văn số rộng phân bày thuật. Học nói học nhìn trái liền như mây núi, hạnh sáng đức sáng vẻ vang soi tỏ tợ nhật nguyệt. Mỗi lần mở bày xiển dương thì dưới pháp tòa ngời cả ngàn vị tăng, đua nhau cổ xúy Thanh ngôn, người phân khác biệt, khắc thành pho quyển, gọi chung là Mạng gia. Nhưng mới đầu, ngài Tuệ Quang tu theo Định Tông, sau mới bắt chước theo nghi quỹ của Pháp luật. Huy du của Đại Thánh đều đầy đủ. Do đó, người đời khen ngợi người ấy, hạnh giải cùng suốt thật có chỗ theo.

Có các Sa-môn Đạo Vân, Đạo Huy và Pháp Nguyên là Tam tông Luật sư, nối gót truyền đăng, mỗi vị đều nêu Thanh giáo. Ngài Đạo Vân thì đầu tiên soạn số chín quyển, giảng nói cùng khắp ở đương thời. Môn nhân làm tỏ rạng cùng cả Đông Hạ. Kế đến ngài Đạo Huy soạn số lược bớt của ngài Đạo Vân hai quyển, yếu ước thật khéo léo, đi tắt ít trái. Được ở phần lược bớt văn, nhưng mất ở phần mở trao. Nhưng ngài Đạo Vân mạnh mẽ đối với nghĩa Tông, bàn giải thật rộng, còn ngài Đạo Huy thì xét cắt Từ Tướng, Pháp Tự suy cử, ở đời có lời ngạn ngữ rằng: “Đầu đuôi Tin xem xét phong cốt”. Còn ngài Pháp Nguyên ở Phần Dương thì liếc xem hai nhà (Đạo Vân, Đạo Huy) ấy, lại mở ra từ hang cốc, soạn Sao Số chẳng giảm bớt so với trước. Xét nơi luật văn, phải quấy chính là đối với sự tướng, còn bởi chuyên gá vướng mắc u thông, hóa hành đều bít lấp, cho nên như thế. Ngoài ra, các bậc luật tượng như Sa-môn Hồng Lý, Đạo Hồng, Đàm Ấn, Đạo Lạc, Hồng Tuân, Thâm, Đản v.v... hoặc đào luyện tại đất Trịnh Ngụy, hoặc mở lữ ở xứ Yên, Triệu. Hoặc dẫn dắt đến cả xứ Chu, Tần, hoặc vấy trần thấu cùng Tề, Lỗ. Không ai chẳng đồng quy về thuật của ngài Đạo Vân, ngang bằng ở đương thời.

Tuy lưu xuất ra sao ký, nhưng lược có thể nói. Ngài Hồng Tuân khai mở Nghiệp ở Quan Trung, thanh hoàng dương ở Đế Lý, kinh luật trao truyền cả hai, công phu ấy thật cao cả.

Bấy giờ, ở đời đang kính chuộng Luật Tăng-kỳ mà ngài Hồng Tuân chuyên thực hành Luật Tứ Phần, lên tòa trích dẫn, phán quyết suôn sẻ như dòng chảy. Những người kinh địch mỗi lúc đến đều phải ngậm tên mà trở về. Nhưng Sư là một Thần Chí, Thanh sắc chẳng ai vượt hơn, do đó, nhân pháp đều kết quy, có thể gọi là hành đến khắp! Có Luật sư Trí Thủ được Sư giảng trao. Tông hệ rộng lớn, tham cầu càng sâu. Bấy giờ, gặp lúc mây sấm tiếp nối gồm cả Truyền hóa. Học chúng xa khắp, chế thuật toàn mong mỗi. Há chẳng rộng để trăm nhà cùng bắt chước một khuôn phép? Tuy muốn đặt bút mà không có từ nào để thông. Gặp lúc lại có các Luật sư như Sa-môn Pháp Lệ, Đạo Lượng, Đạo Hạnh, Phán, Thước, Thắng, Linh Tạng, Đạo Hưng v.v... hoặc Truyền Đạo ở Đông Xuyên, hoặc xưng lời ở Nam Phục. Trong đó, Cao Đế không vượt Ngụy Đô, soạn sớ mới thực hành tiếp nối thật ít. Ngoài ra thì Danh chiếm một phương, bởi không bút ký mà hóa thành gian nan ngăn trở, nhiều che lấp tâm ở đương thời. Đâu chẳng vì nên vùi lấp đó, chán ghét nghe sự mất mát ấy. Than ôi! Luật là Pháp mạng, mở mang thì mạng vẹn toàn. Nay không muốn mở mang thì chánh pháp ấy diệt, lại rất đáng buồn. Quán xét hai Tạng Định học, Tuệ học, Lý ở thông minh, một Tông giới luật bày tình buộc sự. Hạn cục Sự thì rối bày lẫn lộn. Trước sau khác điều, khai chế vừa duyên. Nếu bày làm sao chuẩn? Ngoài luận hai tạng, nghĩa lại ngầm thông. Thấu đạt hiểu biết tinh vi, gọi đó là Hội Chánh. Do đó, Trời, Tiên, Tiểu Thánh hợp cơ mà rõ Đạo. Thay nhau nói Tinh lý, mở sáng việc Tuệ đều gọi là Chí giáo, ấn định thành kinh. Nếu y cứ theo Luật tông thì chỉ vâng theo lời Phật dạy răn. Các Thánh lớn nhỏ đều chẳng vọng truyền dương. Vì sao? Vì, giáo hạn cục tại Nội chúng, khuôn phép thường nghi. Tăng Bảo kính vâng, trừ phi khuyến răn. Tự chẳng phải là ngôi vị cùng cực Chí Thánh, ai dám đặt để tâm. Do đó trong Văn kinh nói rằng: “Ta còn chẳng giao phó chúng tăng cho Thân Tử (Xá lợi Phất), huống gì người khác? Nên mọi sự chế định về khinh trọng đều vâng theo thành giáo. Giả sử như có người nghi hỏi, trở lại ủy thác Phật thông. Tuy có soạn luận rõ ràng, mà chẳng làm là khiến Di Ngôn tứ Mạng, giới là Đại Sư. Ba lần kiết tập Pháp Luân trước đều mở mang Pháp Điển ấy. Luận xưng là Pháp Thọ, há là luống dối ư?

Xưa kia, từ Hạc Thọ về trước, người hành trì luật rất nhiều. trong

đó, cao nhất, Ngũ Vương là người trước hết, do nghiệp trước chưa đổi thay nên đời đến ở nhà trời. Người kế đó, hiệu là Ưu-bà-ly. Năm trăm hiến công, phụng trì là trên hết. Đến nỗi khiến hơn bốn mươi năm. Hiến Chương trong bảy chúng tùy phạm khoa yếu, phần nhiều nhân diện kết. Còn như Trì Phạm, thông bát, nêu cử, trị nghi, đều khiến hiển dương, giao cho xét hộ. Tuy trải qua hai mươi bốn nường tựa, thông truyền khuôn phép chánh, mô phỏng lớp sau, phải noi theo văn ấy. Đến lúc tại Đông Xuyên mở khai giới nghiệp vào khoảng niên hiệu Gia Bình (249-254) thời Tiền Ngụy, mới mở rộng giới cụ túc. Từ đó về trước, Pháp chúng đều gọi là “Tức Từ”. Thầy trò nghe rồi mới dời đổi tập tục vậy. Thực hành pháp Yết-ma thì nường chuẩn vào tông của ngài Pháp Hộ. Luận bàn về Bồ-tát thì phiên tụng giới của Luật Tăng-kỳ. Cương Giáo mới đầu tùy được vâng giữ, chưa có gì đáng lấy làm lạ. Vào thời Tây Tấn, chuyên pháp, ít thối Cương Nhu. Tại Trung Nguyên tán loạn can qua, đua nhau tiếp nối. Ở Lạc Ấp điều tàn, vị Âm hoang cháy. Chúng của Trúc Hộ Thanh Môn có thể cuộn mà ôm giữ, Đồ của Khương Tăng Hội, Hoàng Võ chưa đáng thâm thám. Lại vì Tôn Hạo khắc nghiệt, Nguyên Đảo bất nhân, đóng bít chùa, bày binh lính, giết tiết tăng chúng. Bên cạnh Bình Thành cao còn phủ thầy, đất xen Hoàng Hà Phạm tăng mất báu. Ném hài cốt chẳng chôn, Pháp luật sao thông?

Bấy giờ, gặp may có Di Thiên Thích Đạo An khôi phục, sắp bày lại nghi phạm, phép thường tăng chúng đều y cứ theo giới khoa. Binh lính đói khát giao đổi lẫn lộn, cương chế nghiêm mật, rộng như ở Truyện trước có nêu bày. Nên ngài Đạo An nêu cử ba chương, để cứu vãn cốt yếu ở đương thời. Nhiếp duyên thành cứu giúp được chuyên việc ấy. Chỉ vì giáo điển thiếu sót chưa được rộng rãi, phải nường gá sự truyền trao. Tỳ-nại-da Luật mới đầu do ngài Đạo An mở mang. Văn rất sơ giản lược, biết sơ về Đại Chỉ. Xét về Chánh thì thật là điều chưa từng nghe. Mở mang do người thì ngài Đạo An đáng nường cậy. Sau đó các Sa-môn Tuệ Viễn, Tăng Duệ, Nguyên, Dực đều tập thành môn phong. Ở hai Bang Tần Tấn, xưng minh Pháp hóa, thật do năng lực ấy.

Từ đó về sau, Nam Bắc chia thành hai, trú trì ngôi vị riêng. Mỗi miền tự trình bày, nêu cương mục, hổ tương đề cử thanh đồ. Nên có Thê Hà ở Nhiếp Lãnh mở rộng tịnh địa, Linh Ấn ở Thái sơn kiến lập giới đàn. Ứng cúng bày Tăng như nhận bay, tiếp nối giới nghe mùa Hạ thì trở lại An cư, chính là việc ấy. Nếu Nhân Pháp đều ánh ngời thì hạnh giải phù hợp nhau, có ám muội thì mất tiết cốt lõi. Bấy giờ, những vị không đức thì chôn vùi thân nơi đất. Nên trong đời có bốn hạng mê học.

Ở đây thử nêu lên, tưởng đáng quở trách: Hạng ưa thích Đại thừa thì chí chuộng phù hư, tình chuyên tham cậy, nên có bày gương giới cương mà mất sủng oai nghi. Như thấy người vâng giữ giới luật thì xem thường, cho đó là Tiểu thừa. Với kẻ hủy phá tịnh giới thì coi trọng, cho đó là Đại Đạo, bèn dẫn lá vàng dụ cho là vàng ròng. Ngựa gỗ chẳng thể chạy xa, quở trách quất roi như quơ vào cỏ đất. Đều do hạnh thiếu sót nơi thân, bụi trần nhuộm bản cương lãnh, thẹn mình chẳng đạt được sâu, khinh mạn mình bị hệ lụy bởi nghiêm chế. Bèn xoay tình học Đại pháp, mở bày cõi lòng, lấn vết Thanh Văn, khen chuộng xiển dương Bồ-tát, thông tình thì sợ rơi xuống hang hố, bám lấy hiểu biết thì khúc my nơi cửa cổng. Có tâm như vậy, chưa thể gọi là thường thông. Lấy đó mà cầu tâm thì tâm có thể biết. Sao chẳng rộng đọc pháp giáo Đại thừa mở bày đường tuệ, nêu dẫn Thánh ý có gá bụi trần ư? Do đó, trong Kinh Thắng-man có nói về khởi hành của người nữ. Vẫn biết Tỳ-ni là môn học Đại Thừa, nên chỗ rõ của đương thời là đủ tu của Sơ tâm. Chuộng biết Luật nghi tức Bồ-tát Tạng, hướng gì thấu đạt lý giáo, hiểu hóa biết thân. Thấu hiểu chẳng rơi vào thượng Hiền, công hạnh sao thiếu sót ở hạ chúng. Chắc chắn hạnh (công phu tu hành) có trái, Giải (thấu biết rõ) chẳng phải Giải. được nói mà chẳng rõ nghĩa, bỏ trí mà theo các thức. Sinh tử không bến bờ, nên khó trình bày, hàng lưu tục thường ba lần soi xét mà lại thêm chín đợt nghĩ suy. Với hàng xuất gia thuyên giải bốn pháp nương tựa cùng tám đường chân chánh. Đè dập đó để đến là không đáng nói. Vậy nên biết Đại Giáo, Tiểu Giáo tùy tướng nhiếp tu, đều ở lia đấm trước đầu chỉ ôm chấp. Nếu còn tính như thế thì không khác ngoại Đạo. Kinh Luận bán giáo, mãn giáo đều trình bày lỗi lầm đó. Thọ giới chỉ mà mở cửa hư nguyện, theo giới tức phải vâng chuyên thực hành. Biết thọ mà không rõ theo, tu nghiệp mà không hạnh ấy, thì đáng gọi là một cái bánh xe không thể lăn trên mặt đất. Chim gãy cánh sẽ rơi giữa hư không, đáng tin thay! Ở đời có những người khinh thường giới như thế, đều vì thân tâm phiền lụy, không rõ về Trì phạm,.. nên đồng khinh thường cho là Tiểu đạo, Tiểu thì có thể mất, nên liền xả bỏ, kính trọng tình nhiều, ngậm lời không báo. Thật vì nhiếp ngự học chúng, chẳng có giới thì không mở mang, khéo cùng trụ trì mà không giới cũng chẳng thể lập. Đó giống như đi thì phải qua cửa, nói phải có nguyên do. Nên Danh lợi sắp đến, tranh ngôi vị mà kiếm thúc dung nghi. Thầy trao khuôn phép tôn quý, bước đến đàn tràng mà sửa đai. Há chẳng phải tham quyết tình mạnh mẽ, kính giới như thầy. Hành bật cương du, phó thác giới lấp đầy các hang ngòi. Chuyên chí ở nơi gốc độc, lấy bỏ khéo

tại thước tất. Dùng đó để mở mang cứu giúp, thật chưa dám nghe. Đó là mền Đại, ghét Tiểu, vì mê lầm một bên. Nếu có khả năng khóa chặt thân miệng, tựa tướng nhiếp trì, rỗng rang nghĩ biết, hiểu Đạo mền Đức, thì các Sa-môn Đạo An, Tuệ Viễn, Tuệ Quang, sẽ nhờ người ấy.

Các luận thế học các luận từ số phân khu, bên cạnh Đại thừa mà thông tất với đường nhỏ. Gượng bỏ nôm gốc mà tìm chương cú, liền thời lấm giới chột riêng sắc tâm, một hạnh cùng nhiếp của sáu lịch, Danh giáo có nhiều phức tạp. Hàng Thánh là ở nơi Đạo hạnh, Phàm học chỉ tại tên gọi. Do đó, đáp xét trọn đời rộng gồm từ nghĩa, xem thường giới răn, lấm phạm sắc thanh. Tà thuyết đầy nơi môi mép, tà cầu đầy cả cõi lòng, nghĩa là Bưng bát là độn đỉnh, gọi trì Bình là dựng tử. Cứ mỗi nửa tháng thuyết giới, chỉ bày lời thô, y bát thọ trì rất thành phiên toái, bèn tức điên đảo hình phục, trống sấm lời tiếng, dối lộng tôn nghi, xem thường kinh luật. Nên khiến y phục Pháp lạc thọ tịnh dứt bật nơi thân, giới luật giữ gìn, sống ràng ở miệng. Đó há chẳng nghe đối với Bốn nghiệp hay sao. Biết nghiệp thì chẳng vậy, chỉ vì lửa cháy sáng ở đầu lưỡi, từng chưa tròn tâm ước. Ở đây thì tôn cao, khoe khoang coi thường nền gốc, vì mê cả hai. nếu có thể xét sâu, khiến tánh khéo biết hay sửa trị. Động niệm chỉ là sự đối đãi của Ngã nhân. Chỉ biết rõ Thần Thức thì chưa hẳn vị Thánh nào cũng đáng chú ý? Có Luận sĩ Tuệ Hưu dựng lập rất có tiếng tăm, nhưng ngài Chuyên Đại xét Tiểu, vọt bay thật tỏ sáng tốt đẹp. Lại có Hạnh phước mặt phàm, bẩm nhận trong trắng sơ dã, đọc rộng tụng nhiều, tình hiện đặc sáng, riêng lược về giới khoa, nghĩa là giảng sinh lệ chẳng như, thường uống thuần sữa no dưỡng tâm thần của ta. Ở chốn lạng lẽ u nhân, có người nào hơn. Đó đều chẳng nghe giáo hạnh động việc nghi chậm, chẳng học thì không biết, tùy niệm mà giao tập. Do đó mỗi lúc giảng nghe thì chọn chỗ ngồi sắp xếp Chư tăng, đến chuyên nghiệp xét, người ấy chẳng bao nhiêu. Học còn không hiểu, hướng gì chẳng học ư? Lòng trâu sừng lừa rất là gần thật. Lại có Sa-môn Thành xây dựng chùa tháp, sửa sang ruộng vườn, tìm kéo các gỗ quý, chẳng nghĩ đến vật mạng, cháy lan, tươi thấm làm sao tránh khỏi sinh linh. Chỉ sợ phước nghiệp không thành thật, không có Từ tâm trắc ẩn, thì là chẳng nghe lời răn dạy của Đại Thánh. Thập Tụng tam tướng chính là ở người ấy. Hoặc có người cho là làm Phước làm tội, công và tội san qua sót lại, đó là chẳng nghe duyên Luật cấm ban đầu. Duyên tu ở Phật đường mới chế Địa giới, ý tại tùy niệm nên nương tướng mà buộc tâm. Không phải chỉ sự nghiệp có lỗi vô ích. Nên ở đời những hiền sĩ tư duy mẫu nhiệm, chuyên tĩnh lắng vờ dẫn thật ít có, còn kể

xao động kinh doanh, chạy vạy thì rất nhiều. thô pháp dễ nhiễm, diệu lý khó mở, vì mê nơi ba cõi, nếu có thể y cứ vào giáo hạnh, chẳng vượt thường tình thì chỗ đồng của Hiền Thánh thật đáng mở mang. Còn như chùa Trừng có chín trăm Thần Đạo, ngồi sáng nơi quận Triệu. Các Sa môn Tuệ Viễn, Đạo Lâm chẳng khác giới Đức ở đời Tấn, đáng làm quy cách. Khách chuyên môn vâng giữ luật, trượng phu lập chí cứng rắn, rộng tụng giới duyên, biết sơ về văn cú. Khi lên ngôi đầu dẫn chúng mở mang nước mạn phủ tâm lại không y cứ học. Cho nên không nghe sự dạy răn trong sạch của giới luật trong sáng. Pháp Thân thành tựu đầy đủ mới khởi thầy trò. Nay là dễ theo chỉ dẫn, chưa nghĩ đến rộng giúp. Cá liếc nhìn mây Hán, Tước mừng nhảy tăng luân, chỉ có Luật sư ta, ngoài ra đều là bất chước. Nhìn các Kinh Luận mọi việc đồng như ruộng đá, chiêm dáng cao danh ước đồng như cỏ ĐỀ, cỏ bại. Biết pháp ở đời ít ai biện rõ về Huân du, mặc tình khoa trị, đúng sai lẫn lộn, khinh trọng do đó mà lưỡng xử, họa phước từ tâm thần ấy. Mở lời thành hình, không còn che phủ. Truyền mà không tập, bị cửa Khổng xem thường, kinh thì bị nhà Phật quở trách. Đâu khác gì đọc sách Lễ mà còn cao ngạo, tụng Kinh Dịch mà sao nhãng âm dương. Khuyên gắng thay lời ấy! Khiến chung nên thỉ, chỉ vì gặp thời Tượng quý, giáo Pháp bạc bẽo. Luật bộ tà duyên, tông ngưỡng rất nhiều. Đều do vốn tìm học ngữ, nghĩa chỉ tụng văn. Lấy giấy hàng mỏng, đề roi ghi chép. Có thì y theo thuật, khuyết thì dứt lời. Nếu như có hơi khác lạ thì lấy thông không đường. Bèn nói Luật không chánh đoán, cho nên Thánh trước cho phép, bèn sinh khinh thường ở đời, xem nhẹ chương cú, uống nước ấm trái hạnh mà cho là Thanh Trai, chứa để tiền báu mà bảo là phạm nhỏ. Đồ ngồi không nhọc tiết tịnh, Bát lượng chưa hẳn cơ chu. Đó đều là gượng nơi chì nhận, đổi lấy nghĩ bằng. Bốn sự mê ấy, nếu có thể rộng tìm các sách, xem đủ hành tạng, chước rớt bốn ấn, chiếu dung ba chế, gặp cơ phẫu đoạn thì văn lý cùng theo, ẩn quát khắp bày thì vật ngã đồng hiểu. Nhiếp ngữ chúng tăng như thế, ở đời có người ư? Tìm nơm của giới luật ở nơi Trì Phạm. Học của định tuệ thường chuyên ở Trì. Nếu trì được thì hoặc loạn sẽ tiêu. Nếu Định được thì Thân cơ trong sáng xa vời. Ngoài ra đều là chương cú phù du, đồng mất ánh trăng mà chấp lấy đầu ngón tay, khinh đối giáo tướng, đồng ngâm vịnh thuốc mà mê càng bệnh.

Nên, Luận là thử khai mở bốn học, trọn rơi bỏ hai mê. Không lời lấy gì đặt để văn từ, bày hoặc tâm sao hết. Nên trong kinh trình bày rằng: “Các thứ Pháp dụ đều do lìa chấp trước”. Trong luật lại thuật rằng: “Nhất tâm thường vậy, niệm dứt các ngăn che”. Cố nhiên lại ôm

hoài đầu mỗi dạy răn ấy, hơi có minh châm, đem dùng thể gương như dòng nước. Hơn nữa, lại rõ ràng ở sau.

TỤC CAO TẶNG TRUYỆN
Quyển 23A hết.